



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỔNG CÔNG TY

- ✓ Tên doanh nghiệp: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**
- ✓ Tên giao dịch: **PETROVIETNAM TRANSPORTATION CORPORATION**
- ✓ Tên viết tắt: **PV TRANS**
- ✓ Địa chỉ trụ sở chính: **Tầng 4, toà nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh**
- ✓ Điện thoại: **(84-8) 39111301** Fax: **(84-8) 39111300**
- ✓ Email: **info@pvtrans.com**
- ✓ Website: **www.pvtrans.vn**
- ✓ Mã chứng khoán: **PVT**
- ✓ Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2011): **2.326.000.000.000 đồng** (Hai nghìn ba trăm hai mươi sáu tỷ đồng).

II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng

✦ Việc thành lập

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (tiền thân là Công ty Vận tải Dầu khí) là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập vào ngày 27/05/2002 theo quyết định số 358/QĐ-VPCP của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

✦ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

Sau gần 5 năm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã tiến hành quá trình cổ phần hóa từ tháng 03/2006 theo quyết định số 758/QĐ-BCN ngày 30/03/2006 của Bộ Công nghiệp và chính thức chuyển đổi thành Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí kể từ ngày 23/07/2007 (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh).

✦ Niêm yết

Ngày 10/12/2007, Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans) đã chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PVT.

2. Quá trình phát triển

✧ **Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh vận tải dầu thô, các sản phẩm dầu khí;
- Tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí,
- Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác với các đối tác trong và ngoài nước,
- Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ sửa chữa tàu biển và dịch vụ hàng hải khác,
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa,
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế;
- Dịch vụ quản lý bất động sản,
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, dầu khí,
- Dịch vụ kỹ thuật dầu khí,
- Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt công trình ngầm dầu khí,
- Sản xuất và mua bán nước khoáng, nước uống tinh khiết (không sản xuất nước khoáng tại trụ sở),
- Mua bán vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí và vận tải.
- Dịch vụ sửa chữa, đóng mới tàu biển và các công trình dầu khí, phá dỡ tàu cũ.
- Dịch vụ đại lý hàng hải.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương: hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu.
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản),
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

✧ **Tình hình hoạt động**

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong năm 2010, PV Trans tiếp tục khai thác an toàn đội tàu vận tải dầu thô, sản phẩm dầu và khí hóa lỏng LPG (tổng cộng đội tàu của toàn Tổng công ty hiện có là 16 chiếc). Với lực lượng đội tàu đó, cùng với việc là đầu mối thu xếp, hợp tác với các công ty bên ngoài, PV Trans đã đảm nhiệm tốt vai trò đầu mối vận chuyển dầu thô, dầu sản phẩm, LPG... cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất, và góp phần đảm bảo hoạt động liên tục ổn định của Nhà máy.
- Về kinh doanh vận tải đường bộ, bên cạnh việc tiếp tục cung cấp các dịch vụ vận tải xe bồn LPG và xăng dầu, xe container, dịch vụ vận tải taxi với nhiệm vụ quan trọng là đi tiên phong quảng cáo dùng nhiên liệu sạch góp phần tích cực vào cuộc vận động giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các thành phố cũng được Tổng công ty tích cực triển khai thông qua 2 đơn vị thành viên là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương. Hiện nay, thương hiệu xe “taxi Dầu khí” sử dụng nhiên liệu sạch LPG đang tiếp tục được khai thác tại Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Nam

Định, Quảng Ngãi và Vũng Tàu với tổng cộng 622 xe.

- Dịch vụ tàu chứa dầu thô FPSO/FSO cũng đã được triển khai và phát triển. Trong năm 2010, PV Trans tiếp tục quản lý vận hành an toàn và hiệu quả tàu FSO Kamari cho mỏ Đại Hùng, góp phần vào hoạt động an toàn và ổn định của mỏ. PV Trans cũng đang tích cực hợp tác với đối tác EOCP để triển khai dự án hoán cải và chuẩn bị quản lý vận hành tàu FPSO Chim Sáo, phục vụ cho nhà thầu Premier Oil. Dự kiến tàu sẽ được đưa vào Việt Nam và cho dòng dầu đầu tiên vào tháng 07/2011.
- Trong năm 2010, PV Trans đã tích cực xây dựng và mở rộng các dịch vụ đại lý hàng hải, dịch vụ kinh doanh thương mại, cung cấp vật tư thiết bị hàng hải, dầu khí, các hợp đồng kinh doanh cung cấp LPG, xăng dầu, phân đạm... để tạo nguồn thu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. PV Trans hiện đảm nhận phần lớn công tác đại lý hàng hải cho các tàu dầu thô và sản phẩm dầu tại Dung Quất và Bạch Hổ. Bên cạnh đó, PV Trans cũng đã và đang cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng rời, vận chuyển propylen, các hóa phẩm... cho các đơn vị trong ngành như DMC, PetroSetco, Đạm Phú Mỹ vv...

3. Định hướng phát triển

✦ Các mục tiêu chủ yếu của PV Trans

- Xây dựng và Phát triển PV Trans trở thành một Tổng công ty vận tải dầu khí, dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam và PV Trans trở thành thương hiệu mạnh trong khu vực, mở rộng lĩnh vực hoạt động trong nước và quốc tế.
- Về doanh thu: phấn đấu đạt 600 triệu USD vào năm 2015 và tăng trưởng ổn định 10% - 15%/ năm, đạt 2 tỷ USD vào năm 2025.
- Về lợi nhuận: phấn đấu đạt lợi nhuận 50 triệu USD vào năm 2015 và đảm bảo lợi nhuận 10%/vốn trong giai đoạn 2016 - 2025.
- Về thị trường: đảm bảo vận chuyển 100% dầu thô cho các NMLD của Việt Nam. Đảm bảo vận chuyển 100% than nhiên liệu đầu vào cho các Nhà máy nhiệt điện do Tập đoàn đầu tư. Đảm bảo vận chuyển 100% các sản phẩm dầu khí sản xuất từ các NMLD do các đơn vị trong Tập đoàn kinh doanh và phân phối. Đóng vai trò chủ đạo trong công tác vận tải phân đạm và hóa phẩm dầu khí do các đơn vị trong Tập đoàn sản xuất và tiêu thụ.
- Về đầu tư đội tàu: phát triển đội tàu vận tải theo hướng trẻ hóa và hiện đại hóa có cơ cấu hợp lý.
- Đảm bảo quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho người lao động. Thu nhập của người lao động tăng, năm sau cao hơn năm trước và đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.
- Đảm bảo kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông.

✦ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trong giai đoạn 2011 - 2015, PV Trans tiếp tục thực hiện mục tiêu hoạt động đa ngành với kinh doanh vận tải dầu khí, vận tải than cho các nhà

máy nhiệt điện và vận tải hàng rời là chủ yếu.

- Xây dựng và phát triển đội tàu hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế về kỹ thuật và an toàn để phục vụ thị trường trong nước là vận tải dầu thô và sản phẩm dầu khí cho các NMLD của Tập đoàn (NMLD Dung Quất, LHLHD Nghi Sơn, NMLD Long Sơn). PV Trans sẽ tập trung đầu tư vào 04 đội tàu chính bao gồm: Đội tàu vận tải dầu thô; Đội tàu vận tải sản phẩm dầu; Đội tàu vận tải sản phẩm khí; Đội tàu vận tải hàng rời.
- PV Trans sẽ tiếp tục duy trì các dịch vụ hàng hải dầu khí: Trong năm 2011 sẽ tham gia cung cấp một phần dịch vụ vận hành và bảo dưỡng tàu chứa và xử lý dầu thô FPSO cho mỏ Chim Sáo và Dừa và theo lộ trình trong năm 2012 sẽ đứng ra đảm nhiệm toàn bộ phần vận hành và bảo dưỡng con tàu này.
- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ khác mà có thể mạnh và kinh nghiệm như dịch vụ đại lý hàng hải, dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ, vận tải taxi dùng nhiên liệu sạch LPG, kinh doanh LPG, đại lý kinh doanh xăng dầu, xuất nhập khẩu hàng hóa và cung cấp vật tư thiết bị hàng hải.

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của hoạt động trong năm

Năm 2010 tiếp tục là một năm khó khăn của kinh doanh vận tải biển quốc tế. Tình hình kinh tế thế giới phục hồi chậm nhưng vẫn còn trong giai đoạn bất ổn. Cước phí vận tải vẫn ở mức thấp, , trong khi đó giá nhiên liệu lại tăng cao.

Việc biến động tỷ giá, lãi suất ngân hàng trong thời gian qua cũng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Trong năm 2010, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam – Công ty mẹ của PVTrans - đã có những bước phát triển nhảy vọt, khẳng định vị trí là Tập đoàn kinh tế hàng đầu cả nước và đã có những biện pháp hỗ trợ rất tích cực và hiệu quả đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của PVTrans. Nhà máy lọc dầu Dung Quất, sau thời gian chạy thử, cũng đã chính thức được bàn giao và chạy 100% công suất. Các đơn vị thành viên của Tập đoàn cũng đã nhiệt tình giúp đỡ cho hoạt động của Tổng công ty.

Như vậy có thể nói năm 2010 là một năm còn nhiều khó khăn với PV Trans nói riêng và lĩnh vực vận tải biển nói chung.

- Một số chỉ tiêu chủ yếu:
 - + Lợi nhuận hợp nhất trước thuế thu nhập doanh nghiệp : 61,64 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 38,85 tỷ đồng

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện năm 2010
-----	----------	-------------	----------	--------------------

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

			năm 2010	Giá trị	% TH/KH
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2,800.00	3,735.94	133%
2	Lợi nhuận thực hiện trước thuế	Tỷ đồng	161.10	61.64	38%
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	34.40	22.79	66%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	126.70	38.85	31%
4.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	“	42.20	(36.21)	-86%
4.2	Lợi nhuận chưa phân phối của Cty mẹ	“	84.50	75.06	89%

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2010

Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2010, PV Trans đã hoàn tất đầu tư 01 tàu chở sản phẩm dầu (tàu PVT Sea Lion - trọng tải 16.187 DWT); hoàn tất quyền mua tàu FSO Kamari mở Đại Hùng; hoàn tất đầu tư 01 tàu vận tải LPG (tàu Sài Gòn Gas - trọng tải 2.999 DWT); Góp vốn vào liên doanh PV Keez để triển khai dự án FPSO phục vụ mỏ Chim Sáo và Dừa với tổng mức góp đến nay khoảng hơn 2,3 triệu USD.

Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp:

Trong năm qua PV Trans đã thực hiện một số công tác tái cấu trúc doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Đã chuyển đổi Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội và Vũng Tàu thành các công ty cổ phần vào tháng 11/2010.
- Đã thành lập mới Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (PV Trans Quảng Ngãi) vào ngày 07/12/2010 trên cơ sở chi nhánh của PV Trans tại Quảng Ngãi.
- Đã hoàn tất cơ bản việc chuyển đổi Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping) thành công ty đại chúng và dự kiến đưa cổ phiếu công ty này niêm yết lên sàn chứng khoán trong Quý 2/2011. Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UpCom. PV Trans đang tiếp tục chỉ đạo và hỗ trợ để hai đơn vị này hoàn thiện thủ tục và đủ điều kiện niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán chính thức trong năm 2011.
- Trong năm 2010, PV Trans cũng đã tiếp nhận nguyên trạng Công ty TNHH MTV Vận tải Thủy bộ Dung Quất - Vinashin từ Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS) và chỉ đạo công ty tiếp tục công tác sản xuất kinh doanh để đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động. Sau khi hoàn tất hồ sơ thủ tục định giá, xử lý công nợ sẽ bàn giao chính thức về PV Trans.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Đặc điểm tình hình:

Trong năm 2011, tình hình kinh tế, vận tải biển thế giới và Việt Nam được dự báo sẽ vẫn còn khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Giá cước vận tải vẫn tiếp tục ở mức thấp.

Trong năm 2011, chính sách và thị trường tài chính tiền tệ trong năm 2011 của Chính phủ sẽ có những biến động mạnh do đó sẽ ảnh hưởng đến công tác tài chính của các doanh nghiệp.

Tuy nhiên bên cạnh đó, với lợi thế là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt nam, PV Trans vẫn tiếp tục được sự quan tâm và ủng hộ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn và được tạo các điều kiện mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực dịch vụ có hiệu quả hơn.

Mục tiêu:

Với các đặc điểm tình hình trên, và phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của mình, các mục tiêu nhiệm vụ cơ bản được Tổng công ty đề ra trong năm 2011 gồm:

1. Vận hành an toàn và khai thác hiệu quả đội tàu vận tải dầu khí hiện có trên thị trường quốc tế và trong nước. Đảm bảo thực hiện vận chuyển toàn bộ dầu thô đầu vào, toàn bộ sản phẩm LPG đầu ra và toàn bộ sản phẩm dầu do Tổng công ty Dầu PV Oil phân phối, toàn bộ các sản phẩm propylen, hóa chất do đơn vị trong ngành phân phối của NMLD Dung Quất.
2. Tổ chức quản lý, vận hành an toàn hiệu quả các tàu chứa dầu (FSO) Kamari cho mỏ Đại Hùng, tàu FSO5 cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro; đưa tàu FPSO Chim Sáo vào hoạt động đúng tiến độ cho Premier Oil dự kiến quý III/2011.
3. Tiếp tục phát triển, nâng cao hiệu quả kinh doanh và chất lượng dịch vụ vận tải “taxi Dầu khí” sử dụng nhiên liệu sạch và các vận tải đường bộ khác.
4. Đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ khác để tạo nguồn thu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn như: dịch vụ hàng hải dầu khí, dịch vụ kinh doanh thương mại, dịch vụ đại lý hàng hải...vv
5. Tiếp tục hoàn tất các dự án đóng tàu chở dầu thô 104.000 DWT và 105.000 DWT tại Nhà máy đóng dầu Dung Quất.
6. Bảo đảm tuyệt đối an toàn, không để xảy ra các tai nạn lớn, sự cố cháy nổ... trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
7. Tiếp tục hoàn tất đúng tiến độ công tác tái cấu trúc các đơn vị thành viên và niêm yết lên các sàn giao dịch chứng khoán, sàn UpCom theo kế hoạch đã

được Tập đoàn phê duyệt.

8. Rà soát, chấn chỉnh và tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống quản lý. Tăng cường tiết kiệm các chi phí, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành
9. Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy quản lý từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Phân đầu thay thế dần các chức danh thuyền viên bậc cao hiện do nước ngoài đảm trách bằng thuyền viên Việt Nam.
10. Phân đầu tất cả các đơn vị thành viên của PV Trans đều kinh doanh hiệu quả, có lãi. Nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả của công tác quản lý.
11. Tiếp tục xây dựng, chuẩn hóa môi trường và văn hóa doanh nghiệp trong toàn Tổng công ty. Tạo sự đoàn kết nhất trí, đồng tâm hiệp lực vượt qua khó khăn trong toàn Tổng công ty.
12. Đảm bảo đủ việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho người lao động của Tổng công ty, góp phần thực hiện công tác an sinh xã hội do Chính phủ và Tập đoàn phát động.

Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2011	
			Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.326,00	2.326,00
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.300,00	1.050,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	42,00	19,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,00	14,25
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	123,00	34,00

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

✦ **Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010 của PV Trans phản ánh một số chỉ tiêu về khả năng sinh lời và khả năng thanh toán như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010	So sánh 2010-2009
----------	-------------	----------	----------	-------------------

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010	So sánh 2010-2009
1. Cơ cấu tài sản:				
- Tài sản cố định / Tổng tài sản	%	72.34	64.66	(7.68)
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	24.40	31.90	7.50
2. Cơ cấu nguồn vốn:				
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	66.55	59.94	(6.61)
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	22.58	30.18	7.60
3. Khả năng thanh toán:				
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1.00	1.55	0.55
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.92	1.68	0.76
4. Tỷ suất lợi nhuận:				
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	0.07	0.79	0.72
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	(0.87)	1.10	1.97
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	(1.14)	1.67	2.81

✧ **Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh**

1. Cơ cấu tài sản :

Số liệu trên cho thấy cơ cấu tài sản của Tổng Công ty trong năm đã thay đổi khá lớn: Tài sản cố định tăng 450 tỷ tổng tài sản so với năm trước. Trong đó tăng mua tàu Kamari 253 tỷ và mua tàu Sealion 204 tỷ

Sự biến động trong cơ cấu này giảm 7,69% là do Tổng tài sản tăng +1.372 tỷ đồng trong đó Tài sản ngắn hạn tăng lên +917 tỷ

2. Cơ cấu nguồn vốn:

Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn năm 2010 so với năm 2009 giảm -6,6% với nguyên nhân chủ yếu là khoản nợ trả cho các ngân hàng đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn vay đến hạn trả trong năm và vay ngắn hạn tương đương 457 tỷ đồng

Cơ cấu Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn tăng + 9,85% chủ yếu là do năm 2010 Công ty đã phát hành thêm 850 tỷ đồng tăng vốn điều lệ.

3. Khả năng thanh toán:

Qua các chỉ số thanh toán, cơ cấu tài sản, nguồn vốn cho thấy tổng quát tình hình tài chính của PV Trans là tốt, có độ an toàn. Điều này đo lường

khả năng của một công ty trong việc chi trả các khoản nợ ngắn hạn bằng những tài sản có tính thanh khoản nhất và cho thấy mức độ an toàn của công ty trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn

4. Tỷ suất lợi nhuận:

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế chung toàn cầu nên lợi nhuận của PV Trans bị giảm so với kế hoạch năm 2010. Điều này là do cước phí vận tải biển đang ở mức thấp, đặc biệt trong lĩnh vực vận tải sản phẩm dầu.

- ✦ **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo:** (xem chi tiết đính kèm)
- ✦ **Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:** (xem chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)
- ✦ **Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...):** 232.600.000 cổ phiếu thường.
- ✦ **Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...):** Không có
- ✦ **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:** 232.600.000 cổ phần phổ thông.
- ✦ **Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có):** Không có

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

PV Trans đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu và về tổng thể Tổng công ty vẫn đảm bảo kinh doanh có lãi tuy nhiên các chỉ tiêu về lợi nhuận chưa đạt được kế hoạch đề ra .

✦ **Đánh giá kết quả đạt được**

- **Doanh thu** đạt 3.735,94 tỷ đồng/2.800 tỷ đồng tương đương 133% kế hoạch năm 2010, tăng 81% so với doanh thu thực hiện năm 2009. Chỉ tiêu doanh thu đạt vượt mức so với kế hoạch là do PV Trans đã đẩy mạnh các dịch vụ vận tải (vượt 20% so với kế hoạch) và các đơn vị thành viên đã tăng cường hoạt động kinh doanh thương mại, kinh doanh xăng dầu và LPG (vượt 136% so với kế hoạch), tất cả các hoạt động này đã góp phần làm tăng doanh thu của PV Trans.
- **Lợi nhuận trước thuế** đạt 61,64 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 38,85 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2010 lợi nhuận trước thuế là 161,10 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 126,70 tỷ đồng.
- Nguyên nhân không đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận là do cước vận tải chạy quốc tế còn thấp, tỷ giá giữa USD và tiền đồng tăng. Có thể nhận thấy rằng: Trong hoàn cảnh bị tác động của cuộc khủng hoảng tài chính-kinh tế toàn cầu nên nhiều doanh nghiệp vận tải biển quốc tế và trong nước gặp rất nhiều khó khăn; có doanh nghiệp nợ lương người lao động, có doanh nghiệp hoạt động bị lỗ, thậm chí bị phá sản... thì kết quả sản xuất-kinh doanh có lãi của Tổng công

ty PVTrans là sự nỗ lực, cố gắng lớn và là bước tiến bộ rất nhiều so với kết quả 2009 - tốc độ tăng trưởng doanh thu là 81% (từ 2.066 tỷ đồng lên 3.736 tỷ đồng), lợi nhuận trước thuế tăng 6,5 lần (từ 9,5 tỷ đồng lên 61,6 tỷ đồng).

- **Nộp ngân sách Nhà nước** đạt 182,76 tỷ đồng, tương đương 349% kế hoạch 2010. Hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và một số công ty con có lãi đã mang lại một phần tài chính nộp ngân sách Nhà nước. Ngoài ra do các hoạt động thương mại được mở rộng và tăng cường cũng đã đem lại phần đóng góp về thuế VAT cho ngân sách Nhà nước.

✦ **Các chỉ tiêu kế hoạch đã thực hiện**

- Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2010 như sau:

DVT : Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	So sánh	
					Với KH năm 2010	Với TH năm 2009
1	Tổng doanh thu	2,065.83	2,800.00	3,735.94	133%	181%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	9.49	161.10	61.64	38%	650%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(16.83)	126.70	38.85	31%	231%
3.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	(25.56)	42.20	(36.21)	-86%	142%
3.2	Lợi nhuận của cổ đông Cty mẹ	8.72	84.50	75.06	89%	861%
4	Tổng số thuế và các khoản khác phát sinh phải nộp NSNN	57.63	52.4	182.76	349%	317%

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

✦ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Kien toan to chuc hoạt động của Tổng công ty, cập nhật, hoàn thiện các quy trình quy chế theo quy định. Trong năm 2010, PV Trans đã và đang tiếp tục hoàn thiện các công tác quản lý để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. PV Trans đã chỉ đạo tất cả các đơn vị thành viên triển khai hệ thống quy trình ISO 9001:2008 nhằm chuẩn hóa các hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh của mình. Hiện nay, hầu hết các đơn vị đã hoàn tất công tác xây dựng và áp dụng triển khai.
- Trong năm 2010, PV Trans đã tiến hành kiện toàn và điều chỉnh cơ cấu tổ chức tại văn phòng Tổng công ty, giải thể và thành lập các Ban mới. Cùng với việc điều chỉnh về cơ cấu tổ chức, trong năm PV Trans đã điều động và bổ nhiệm 29 cán bộ, kiện toàn tổ chức và nhân sự tại Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương, Công ty liên doanh PV Keez...vv nhằm đảm bảo công tác quản lý tại đơn vị đi vào nề nếp, ổn định.
- Công tác quản lý tài chính kế toán về cơ bản được thực hiện tốt tại đơn vị, đảm bảo cân đối đủ nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh.
- Xác định văn hóa doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng trong sự

tồn tại và phát triển của đơn vị, trong năm qua, Ban chỉ đạo xây dựng Văn hóa doanh nghiệp đã xây dựng kế hoạch triển khai văn hóa doanh nghiệp của PV Trans, đã tổ chức tập huấn cho CBCNV bộ máy điều hành Tổng công ty và các đơn vị thành viên kiến thức chung về văn hóa, văn hóa doanh nghiệp, tầm quan trọng, lợi ích, nội dung của việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Điều này sẽ góp phần tạo nên một môi trường làm việc đoàn kết gắn bó vì sự phát triển chung trong toàn Tổng công ty.

- Chú trọng công tác tuyển dụng đội ngũ thuyền viên để tiếp quản và vận hành các tàu dầu thô và tàu sản phẩm dầu mới đầu tư, bổ sung đội ngũ sỹ quan và thuyền viên còn thiếu cho các tàu hiện hữu đang khai thác nhằm thực hiện chủ trương dần thay thế các vị trí quan trọng trên tàu hiện đang phải thuê người nước ngoài nắm giữ, tiến tới tự quản lý tàu để tiết kiệm chi phí. Trong năm, PV Trans đã thực hiện đào tạo được 1.860 lượt người, đạt 92% kế hoạch với kinh phí đào tạo đạt 6,30 tỷ đồng đạt 101% so với kế hoạch.

✦ **Các biện pháp kiểm soát**

- PV Trans đã quản lý chặt chẽ các khoản chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng các quy trình kiểm soát nội bộ, xây dựng hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và chuẩn bị áp dụng hệ thống quản lý an toàn hàng hải quốc tế theo ISM code.
- Các nguồn vốn đã được cơ cấu lại một cách hợp lý để giảm đến mức thấp nhất chi phí vốn vay.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:

- Doanh thu: 4.300 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 42 tỷ đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 123 tỷ đồng

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán (đính kèm).

VI. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Deloitte Viet nam
- Ý kiến kiểm toán độc lập (đính kèm).
- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có

2. Kiểm toán nội bộ : Không có

VII. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Các Công ty mà PV Trans nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp

1. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (PV Trans Hà Nội) - PV Trans nắm 97,25% vốn điều lệ.
2. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (PV Trans Vũng Tàu) - PV Trans nắm 95% vốn điều lệ.
3. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (PV Trans Quảng Ngãi) - PV Trans nắm 95% vốn điều lệ.
4. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PV Trans Pacific) - PV Trans nắm 51% vốn điều lệ.
5. Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (Southern PetroTrans) - PV Trans nắm 53,75% vốn điều lệ.
6. Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt (PV Oil Shipping) - PV Trans nắm 54,27% vốn điều lệ.
7. Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping) - PV Trans nắm 67,74% vốn điều lệ.
8. Công ty TNHH hai thành viên PV Trans - Emas (PV Tec), vốn điều lệ 100 triệu đồng - PV Trans nắm 99% vốn điều lệ.

2. Các Công ty mà PV Trans nắm dưới 50% vốn cổ phần/vốn góp

1. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (PV Trans PTT) - PV Trans nắm 38,67% vốn điều lệ.
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (PV Trans PCT) - PV Trans nắm 22,63% vốn điều lệ.
3. Công ty Liên doanh PV Keez, vốn điều lệ 150 triệu USD - PV Trans nắm 1,59% vốn điều lệ.

3. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty có liên quan

3.1 Công ty TNHH 1 TV Vận tải Dầu khí Hà Nội (PV Trans Hà Nội):

- ✦ PV Trans Hà Nội được thành lập vào ngày 23/10/2007 trên cơ sở chi nhánh của PV Trans tại Hà Nội với các ngành nghề kinh doanh chính là: Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hành khách bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách đường thủy nội địa; Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Đại lý; Môi giới thương mại; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương

tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ; Kinh doanh phân phối xăng dầu; Kinh doanh dịch vụ xăng dầu; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.

- ✦ Công ty đã chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần vào tháng 11/2010 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng.
- ✦ Địa chỉ trụ sở chính: tổ 28, phố Nguyễn Thị Định, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- ✦ Trong năm 2010, PV Trans Hà Nội tiếp tục triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh được giao như: kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm khí, quản lý dự án đầu tư máy chụp cắt lớp tại bệnh viện Hữu Nghị và khai thác 05 xe đầu kéo container hoạt động tại khu vực phía Bắc. Bên cạnh đó, PV Trans Hà Nội bắt đầu triển khai công tác đại lý hàng hải tại khu vực Hải Phòng, công tác thuê và cho thuê tàu chở hàng rời cho DMC.
- ✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010:
 - Doanh thu: 110.749.393.620 đ
 - Lợi nhuận trước thuế: 1.406.654.131 đ
 - Nộp ngân sách Nhà nước: 108.507.418 đ

3.2 Công ty TNHH 1 TV Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (PV Trans Vũng Tàu):

- ✦ PV Trans Vũng Tàu được thành lập vào ngày 08/10/2007 trên cơ sở chi nhánh của PV Trans tại Vũng Tàu với các ngành nghề kinh doanh chính là: Dịch vụ vận tải và kinh doanh các sản phẩm dầu khí; Đại lý hàng hải; Cung ứng dịch vụ hàng hải và hậu cần; Cung cấp, mua bán vật tư thiết bị hàng hải và dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa tàu thuyền và các công trình dầu khí... Công ty đã chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần vào ngày 26 tháng 11/2010 với vốn điều lệ 200 tỷ đồng.
- ✦ Địa chỉ trụ sở chính: tầng 4, 208 Thống Nhất, phường 8, thành phố Vũng Tàu.
- ✦ Trong năm 2010, PV Trans Vũng Tàu phối hợp cùng Tổng công ty trong việc khai thác tàu vận tải sản phẩm dầu PVT Dragon, hiện nay tàu đang được khai thác liên tục phục vụ vận chuyển sản phẩm dầu ra cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Tiếp tục tiến hành các dịch vụ khác như cung cấp vật tư thiết bị cho các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước: Công ty MSS (Singapore), Công ty Dầu khí Đại Hùng, PTSC, VietsovPetro... cung cấp công tác dịch vụ đại lý hàng hải cho đội tàu của Tổng công ty. Ngoài ra, PV Trans Vũng Tàu còn triển khai làm đại lý phân phối phân đạm cho Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí (PVFCCo) tại các tỉnh miền Tây và bắt đầu thực hiện vận chuyển đạm bằng tàu biển.
- ✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010:
 - Doanh thu: 195.809.317.257 đ
 - Lợi nhuận trước thuế: 8.779.576.550 đ
 - Nộp ngân sách Nhà nước: 7.826.180.680 đ

3.3 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (PV Trans Quảng Ngãi):

- ✦ PV Trans Quảng Ngãi được thành lập mới vào ngày 07/12/2010 trên cơ sở chi nhánh của PV Trans tại Quảng Ngãi với các ngành nghề kinh doanh chính là: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải... Vốn điều lệ 20 tỷ đồng.
- ✦ Địa chỉ trụ sở chính: E1 Tôn Đức Thắng, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- ✦ Trong năm 2010, PV Trans Quảng Ngãi tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải cho đội tàu của Tổng công ty hoạt động tại khu vực miền Trung. Tham gia dịch vụ giao nhận, vận chuyển hạt nhựa (polypropylene) cho các đơn vị trong ngành tại khu vực Quảng Ngãi và đi các tỉnh miền Bắc và miền Nam.
- ✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010: Do công ty mới được thành lập ngày 7/12/2010 nên chưa có số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010.

3.4 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PV Trans Pacific):

- ✦ PV Trans Pacific được thành lập vào ngày 28/01/2008 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Kinh doanh vận tải dầu thô; Cho thuê phương tiện vận tải; Dịch vụ môi giới tàu biển; Đại lý hàng hải; Cung ứng tàu biển; Sửa chữa tàu biển; Đại lý hàng hải... Vốn điều lệ 1.200 tỷ đồng.
- ✦ Địa chỉ trụ sở chính: tầng 4, toà nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, thành phố Hồ Chí Minh.
- ✦ Trong năm 2010, PV Trans Pacific tiếp tục phối hợp với Tổng công ty trong việc triển khai dự án đóng tàu vận tải dầu thô loại Aframax 105.000 DWT tại Vinashin. Khai thác đội tàu dầu thô an toàn, hiệu quả phục vụ vận chuyển dầu thô cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất
- ✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010:
 - Doanh thu: 410.983.240.762 đ
 - Lợi nhuận trước thuế: 29.053.723.744 đ
 - Nộp ngân sách Nhà nước: 30.238.634.663 đ

3.5 Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (Southern PetroTrans):

- ✦ Southern PetroTrans được thành lập vào ngày 11/04/2008 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Cho thuê phương tiện vận tải; Dịch vụ môi giới, cung ứng sửa chữa tàu biển. Dịch vụ đại lý hàng hải... Vốn điều lệ 382,56 tỷ đồng.
- ✦ Địa chỉ trụ sở chính: tầng 4, toà nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh.
- ✦ Trong năm 2010, Southern PetroTrans tiếp tục khai thác đội tàu vận chuyển dầu sản phẩm phục vụ vận chuyển sản phẩm đầu ra cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- ✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010:

- Doanh thu: 269.369.943.628 đ
- Lợi nhuận trước thuế: - 80.061.480.363 đ
- Nộp ngân sách Nhà nước: 12.484.818.671 đ

3.6 Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt (PV Oil Shipping):

- ✦ PV Oil Shipping được thành lập vào ngày 20/04/2007 và chính thức hợp nhất vào PV Trans từ quý II/2010 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Kinh doanh vận tải biển. Dịch vụ cung ứng sửa chữa tàu biển. Dịch vụ kinh doanh sản phẩm xăng dầu. Dịch vụ đại lý hàng hải... Vốn điều lệ 140 tỷ đồng.
- ✦ Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8, cao ốc Citylight, 45 Võ Thị Sáu, phường ĐaKao, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.
- ✦ Trong năm 2010, PV Oil Shipping tiếp tục khai thác 03 tàu vận tải sản phẩm dầu loại 9.000 DWT hiện có để phục vụ cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất và trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, còn tham gia công tác vận chuyển hàng rời (clinker) cho Công ty Xi măng Hạ Long, kinh doanh đại lý xăng dầu cho PV Oil, cung cấp dịch vụ hàng hải và đại lý tàu biển cho đội tàu của Công ty và các đối tác khác.
- ✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010:
 - Doanh thu: 283.971.101.545 đ
 - Lợi nhuận trước thuế: - 46.655.957.597 đ
 - Nộp ngân sách Nhà nước: 9.945.578.443 đ

3.7 Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping):

- ✦ Gas Shipping được thành lập vào ngày 24/12/2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Mua bán phương tiện vận tải; Cho thuê tàu; Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh vận tải biển; Dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hoá, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu... Vốn điều lệ 300 tỷ đồng.
- ✦ Địa chỉ trụ sở chính: 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- ✦ Trong năm 2010, Gas Shipping đã đầu tư mua thêm tàu Sài Gòn Gas và tiếp tục khai thác an toàn hiệu quả 03 tàu vận tải LPG hiện có: tàu Cửu Long Gas, Hồng Hà Gas, Việt Gas trên thị trường trong và ngoài nước. Ngoài ra còn thực hiện các hợp đồng thuê tàu chuyển để vận chuyển sản phẩm LPG đầu ra của Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- ✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010:
 - Doanh thu: 394.569.951.557 đ
 - Lợi nhuận trước thuế: 50.497.446.230 đ
 - Nộp ngân sách Nhà nước: 51.387.282.260 đ

3.8 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long (PV Trans PCT):

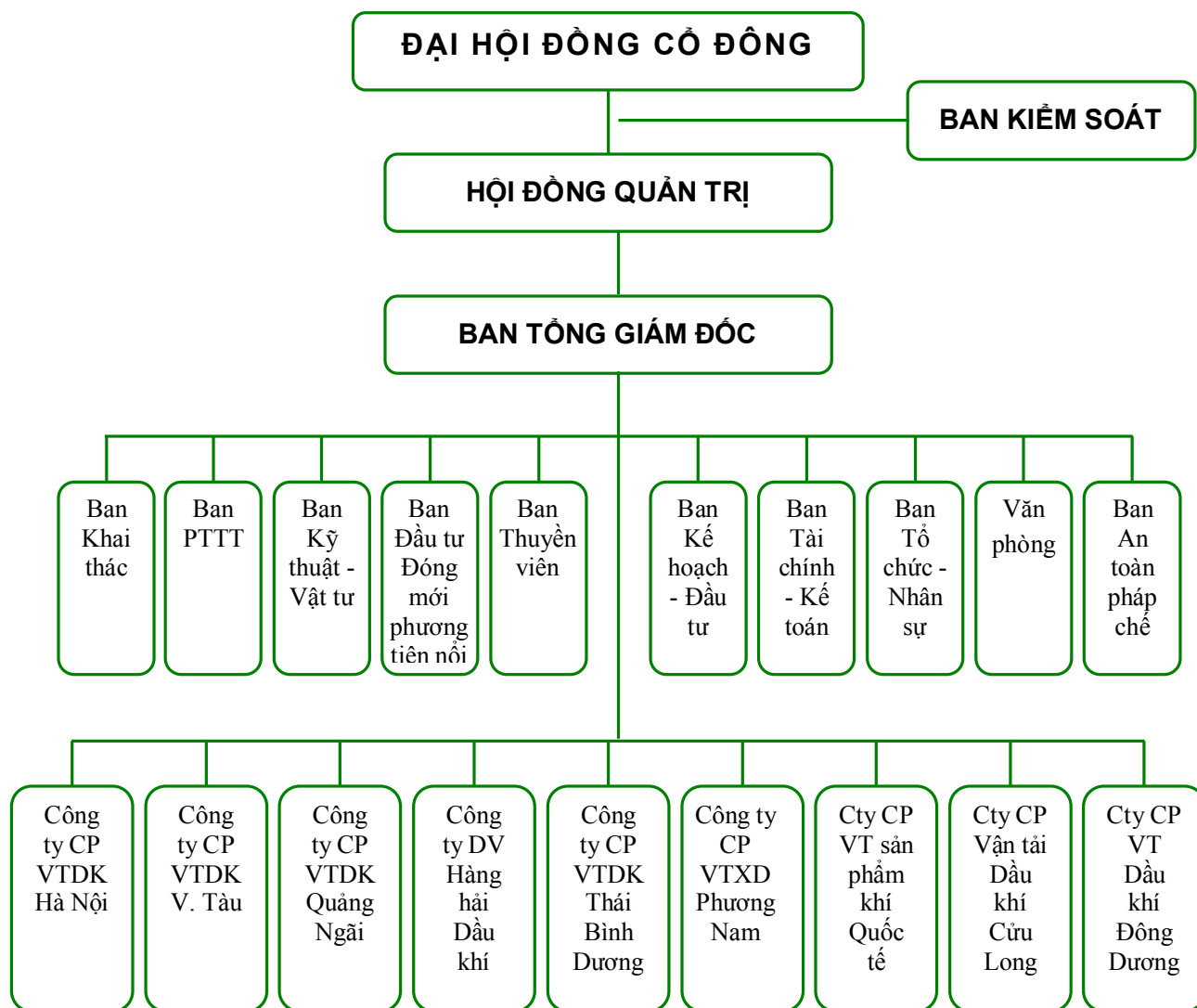
- ✦ PV Trans PCT được thành lập vào ngày 04/06/2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, xe buýt; Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thủy nội địa; Mua bán phương tiện máy móc thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải, sản phẩm gas: LPG, CNG, LNG; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh bến bãi đỗ xe, trạm dừng; Bán buôn và bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ; Bán buôn và cho thuê máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải; Chiết nạp sản phẩm gas... Vốn điều lệ 300 tỷ đồng.
- ✦ Địa chỉ trụ sở chính: 18 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
- ✦ Trong năm 2010, PV Trans PCT đã tập trung triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính là vận tải đường bộ, cụ thể đã đưa 350 xe taxi chạy LPG, 24 xe văn phòng, 05 xe bồn vận chuyển LPG và 05 trạm Autogas vào hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. Ngoài ra, PV Trans PCT còn tham gia các lĩnh vực khác như: kinh doanh LPG và xăng dầu, dịch vụ bảo dưỡng và kinh doanh chuyển đổi nhiên liệu cho ô tô...
- ✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010:
 - Doanh thu: 509.870.414.115 đ
 - Lợi nhuận trước thuế: 5.806.151.969 đ
 - Nộp ngân sách Nhà nước: 3.849.635.890 đ

3.9 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (PV Trans PTT):

- ✦ PV Trans PTT được thành lập vào ngày 25/07/2007 với các ngành nghề kinh doanh chính là: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, xe buýt; Vận tải hàng hoá, xăng, dầu, gas; Buôn bán xăng dầu, khí hoá lỏng; Dịch vụ bến bãi đỗ xe, trạm dừng xe; Sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải; Kinh doanh ngành gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hoá lỏng... Vốn điều lệ 100 tỷ đồng.
- ✦ Địa chỉ trụ sở chính: A55 ngõ 61, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- ✦ Trong năm 2010, PV Trans PTT tập trung triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính là vận tải đường bộ, cụ thể đã đưa 310 xe taxi chạy LPG, 20 xe văn phòng, 14 xe bồn vận chuyển LPG, xăng dầu và 02 trạm Autogas vào hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội. Ngoài ra, PV Trans PTT còn tham gia lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, LPG và kinh doanh thương mại khác.
- ✦ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010:
 - Doanh thu: 254.728.770.280 đ
 - Lợi nhuận trước thuế: 347.487.004 đ
 - Nộp ngân sách Nhà nước: 5.093.046.307 đ

VIII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. Cơ cấu tổ chức của PV Trans:



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

✦ **Ông Phạm Việt Anh - Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 07/05/1971
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh.
- Tóm tắt quá trình công tác: Ông Phạm Việt Anh đã có thâm niên nhiều năm công tác trong ngành Dầu khí, từng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc PTSC, Tổng giám đốc PV Gas, Phó Chủ tịch HĐQT PTSC.

✦ **Ông Nguyễn Phùng Hưng - Phó Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 18/09/1974
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Tóm tắt quá trình công tác: ông Nguyễn Phùng Hưng từng giữ các chức vụ Kế toán trưởng - Công ty Vận tải Dầu khí (PV Trans) và hiện nay là Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

✦ **Ông Trần Tuấn Nam - Phó Tổng giám đốc**

- Năm sinh: 16/05/1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy hàng hải, Cử nhân kinh tế
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Tóm tắt quá trình công tác: ông Trần Tuấn Nam từng giữ các chức vụ Trưởng phòng Kinh tế hợp đồng - Xí nghiệp Dịch vụ Giàn khoan, Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling); Trợ lý Giám đốc/Phó phòng Khai thác/Trưởng phòng Tổng hợp - Pháp chế, Công ty Vận tải Dầu khí (PV Trans) và hiện nay là Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

✦ **Ông Nguyễn Anh Minh – Phó Tổng Giám đốc**

- Năm sinh: 16/09/1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Nga
- Tóm tắt quá trình công tác: Ông Nguyễn Anh Minh từng giữ các chức vụ Trưởng phòng Khai thác - Công ty Vận tải Dầu khí và hiện nay là Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

✦ **Ông Đào Mạnh Tiến – Phó Tổng Giám đốc**

- Năm sinh: 15/07/1961
- Trình độ chuyên môn: Sĩ quan an ninh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Tóm tắt quá trình công tác: Ông Đào Mạnh Tiến từng giữ các chức vụ Phó giám đốc Công ty du lịch thương mại Hoàng Việt, thuộc Tổng cục an ninh; Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Vận tải Dầu khí tại Hà nội; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Vận tải Dầu khí Hà Nội và hiện nay là Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

3. Thay đổi Tổng giám đốc điều hành trong năm:

- Ông Phạm Việt Anh thay ông Tạ Đức Tiến kể từ ngày 10/12/2010.

4. Quyền lợi của Ban Tổng giám đốc: Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác của Ban Tổng giám đốc

- Lương Tổng giám đốc trung bình: 62.100.000 đồng
- Lương Phó Tổng giám đốc trung bình: 49.517.000 đồng
- Thưởng Ban điều hành: Không .

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tổng số CBCNV toàn Tổng công ty năm 2010: 2.150 người
- Tổng công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước, thu nhập bình quân của CBCNV Tổng công ty năm 2010 là 13 triệu đồng/tháng.

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị /Chủ tịch, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

✦ **Thay thế thành viên Hội đồng quản trị:**

- Từ ngày 10/12/2010 ông Phạm Việt Anh thay ông Tạ Đức Tiến .
- Từ ngày 21/05/2010, ông Đồng Anh Tuấn thay ông Nguyễn Minh Hòa .

✦ **Thay thế thành viên BKS:**

- Từ ngày 21/05/2010, ông Hà Thúc Hiếu thay ông Vũ Hiền.

✦ **Thay Kế toán trưởng:** Không

IX. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát

✦ **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Tổng công ty năm 2010 gồm 5 người, trong đó 2 thành viên điều hành và 3 thành viên độc lập không điều hành, cụ thể:

- Thành viên HĐQT không tham gia điều hành:
 1. Ông Đỗ Văn Liên - Chủ tịch HĐQT - chuyên trách;
 2. Ông Đồng Anh Tuấn - Thành viên độc lập không điều hành;
 3. Ông Đỗ Minh Toàn - Thành viên độc lập không điều hành.
- Thành viên HĐQT tham gia điều hành:
 1. Ông Phạm Việt Anh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc;
 2. Ông Nguyễn Phùng Hưng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

✦ **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát của Tổng công ty năm 2007 gồm 3 người, đều là thành viên độc lập không điều hành, bao gồm:

1. Ông Thái Ngọc Lân - Trưởng Ban kiểm soát - chuyên trách;
2. Ông Hà Thúc Hiếu - thành viên độc lập;
3. Ông Nguyễn Quốc Dũng - thành viên độc lập.

✦ **Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thực hiện tốt chế độ hội họp, sinh hoạt theo quy định. Các thành viên HĐQT tại Tổng công ty đã thực

hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc chuẩn bị các báo cáo đề xuất, các dự án trình HĐQT; triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ hàng tháng của Tổng công ty.
- Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp chuyên đề về xây dựng và giao kế hoạch sản xuất-kinh doanh, chính sách nhân viên, lương thưởng, xây dựng-hoàn thiện các quy trình quản lý chất lượng, an toàn hàng hải....
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất-kinh doanh thông qua các văn bản, báo cáo của Ban điều hành gửi HĐQT.
- Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Tổng công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các báo cáo và các phiên họp của HĐQT.

Cụ thể, HĐQT đã tiến hành 4 cuộc họp định kỳ (1 quý 1 lần), 1 cuộc họp HĐQT bất thường và 23 cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Tiểu ban của Hội đồng quản trị - (Hội đồng đầu tư) đã tiến hành 5 cuộc họp, Hội đồng nhân sự đã tiến hành 18 cuộc họp để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp của HĐQT/HĐĐT/HĐNS, HĐQT đã ban hành 60 quyết định và 5 nghị quyết làm cơ sở cho Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh. Các vấn đề lớn đã được xem xét, phê duyệt như sau:

- Phê duyệt các dự án hoán cải/đầu tư FSO/FPSO để cung cấp cho một số nhà thầu dầu khí đang khai thác dầu tại mỏ Đại Hùng, mỏ Chim sáo và Dừa nhằm đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh để Tổng công ty khắc phục những tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế toàn cầu.
- Quyết định cơ cấu lại vốn đầu tư tại một số công ty thành viên để đảm bảo hiệu quả đầu tư và cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quyết định các nội dung đổi mới doanh nghiệp, cụ thể chuyển đổi mô hình hoạt động của một số công ty thành viên/chi nhánh do Tổng công ty đầu tư 100% vốn thành công ty cổ phần nhằm tăng cường tính chủ động và nâng cao năng lực quản lý cho các đơn vị thành viên để góp phần tăng hiệu quả sản xuất của Tổng công ty nói chung.
- Tuyển dụng và bổ nhiệm các cán bộ lãnh đạo và quản lý
- Các nội dung khác.

✧ **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành**

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia đầy đủ các hoạt động của HĐQT, xem xét, nghiên cứu và cho ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các quyết định, nghị quyết liên quan.

✧ Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT

- Tiểu ban của Hội đồng quản trị gồm Hội đồng Đầu tư được thành lập năm 2008 và Hội đồng Nhân sự thành lập năm 2009. Các tiểu ban hoạt động trên cơ sở phân cấp của HĐQT, xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT để làm cơ sở cho HĐQT ban hành các quyết định/ng nghị quyết liên quan.
- Căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ của PV Trans, Hội đồng quản trị Tổng công ty tự đánh giá là đã hoàn thành được nhiệm vụ trong năm 2010. Hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty đảm bảo lợi ích của cổ đông, có tinh thần trách nhiệm trong việc xây dựng định hướng hoạt động của đơn vị, thực hiện chế độ công bố thông tin khách quan, trung thực, giữ tốt mối quan hệ với các cổ đông và các nhà đầu tư.

✧ Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2010, Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng quy định bởi Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đã trao đổi thường xuyên tình hình công việc.
- Những nội dung cơ bản hoạt động kiểm soát năm 2010:
 - Thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của HĐQT, cụ thể:
 - + Hoạt động lãnh đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - + Việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, trong quá trình lãnh đạo, giám sát Tổng giám đốc về sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn.
 - + Việc HĐQT lãnh đạo, giám sát Tổng giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
 - Thực hiện chức năng giám sát đối với Tổng giám đốc và bộ máy quản lý, cụ thể:
 - + Hoạt động điều hành, thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
 - + Việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.
 - + Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
 - + Việc xây dựng, ban hành, thực hiện và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, các quy chế, quy trình quản lý của Tổng công ty...
 - + Việc thực hiện quy chế phối hợp với HĐQT trong hoạt động điều hành.

✧ Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT/thành viên Ban kiểm soát

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2010:

Stt	Chi tiết	Số người	Thu nhập trung bình tháng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	62.275.000	747.301.000
2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4	12.000.000	144.000.000
	Cộng (I)	5	74.275.000	891.301.000
II	Ban Kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	1	45.194.000	542.324.000
2	Thành viên chuyên trách	1	16.913.000	118.395.000
3	Thành viên không chuyên trách	1	1.500.000	18.000.000
	Cộng (II)	3	63.607.000	678.719.000
	Tổng cộng (I + II)	8	137.882.000	1.570.020.000

- ✦ Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 7/7 người.
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Thay đổi tỷ lệ nắm giữ	
				Mua	Bán
1	Đỗ Văn Liên	Chủ tịch HĐQT			
	Đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		67.924.972	Không	Không
	Cổ phần sở hữu cá nhân		49.100	Không	Không
2	Tạ Đức Tiến (Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 08/12/2010)	UV HĐQT			
	Đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		33.962.487	Không	Không
	Cổ phần sở hữu cá nhân		26.360	Không	Không
	Phạm Việt Anh (Từ ngày 08/12/2010 đến ngày 31/12/2010)	UV HĐQT			
	Đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		33.962.487	Không	Không
	Cổ phần sở hữu cá nhân		0	Không	Không
3	Nguyễn Phùng Hưng	UV HĐQT			

	Đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		33.962.487	Không	Không
	Cổ phần sở hữu cá nhân		71.680	Không	Không
4	Nguyễn Minh Hoà (Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 20/05/2010) Đông Anh Tuấn (Từ ngày 21/05/2010 đến ngày 31/12/2010)	UV HĐQT			
	Đại diện phần vốn của Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		19.349.393	60.520	73.090
5	Đỗ Minh Toàn	UV HĐQT			
	Đại diện phần vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu		9.056.850	Không	Không

✦ **Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:**

- Ông Nguyễn Minh Hoà - Ủy viên Hội đồng quản trị PV Trans, người đại diện phần vốn của Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) tiến hành giao dịch mua 60.520 cổ phần PVT, hoàn thành giao dịch từ ngày 28/12/2009 đến ngày 17/02/2010; tiến hành giao dịch bán 63.000 cổ phần PVT, hoàn thành giao dịch từ ngày 26/04/2010 đến ngày 28/06/2010.
- Ông Nguyễn Phùng Hưng - Ủy viên HĐQT PV Trans đã tiến hành giao dịch bán 17.000 quyền mua cổ phiếu PVT vào ngày 21/01/2010.
- Bà Bùi Thị Tuyết là mẹ ông Nguyễn Quốc Dũng - Thành viên Ban Kiểm soát PV Trans đã tiến hành giao dịch bán 9.800 cổ phiếu PVT từ ngày 06/05/2010 đến ngày 07/05/2010.
- Bà Trần Tuấn Anh là vợ ông Nguyễn Quốc Dũng - Thành viên Ban Kiểm soát PV Trans đã tiến hành giao dịch bán 11.820 cổ phiếu PVT vào ngày 10/05/2010.
- Ông Nguyễn Phùng Nguyên là anh ông Nguyễn Phùng Hưng - Ủy viên HĐQT PV Trans đã tiến hành giao dịch bán 12.900 cổ phiếu PVT vào ngày 23/06/2010.
- Bà Nguyễn Thị Kim Anh - Kế toán trưởng PV Trans đã tiến hành giao dịch bán 43.000 cổ phiếu PVT vào ngày 25/05/2010.
- Bà Đỗ Thị Hòa là em ông Đỗ Văn Liên - Chủ tịch HĐQT PV Trans đã

tiến hành giao dịch bán 9.000 cổ phiếu PVT vào ngày 16/09/2010.

- Ông Đồng Anh Tuấn - Ủy viên Hội đồng quản trị PV Trans, người đại diện phần vốn của Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) tiến hành giao dịch bán 10.090 cổ phiếu PVT, hoàn thành giao dịch ngày 24/09/2010..

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

✧ Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước:

Stt	Danh mục	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	155.199.339	66,72%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	12.683.614	5,45%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	49.905.334	21,46%
	Tổng cộng	217.788.287	93,63%

(Nguồn: TTLKCK Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM ngày 12/05/2010))

✧ Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn trong nước:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18 Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình Hà Nội	Dầu khí	135.849.946	58,40%	Cổ đông Nhà nước
2	Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	72 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tài chính	19.349.393	8,32%	Cổ đông Nhà nước
3	Ngân hàng Thương mại CP Á Châu	442 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, Tp. HCM	Ngân hàng	9.056.850	3,89%	
4	Công ty CP Chứng khoán VN Direct	01 Nguyễn Thượng Hiền, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	Chứng khoán	3.626.764	1,56%	
	Tổng cộng			167.882.953	72,18%	

(Nguồn: TTLKCK Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM ngày 12/05/2010)

2.2. Cổ đông nước ngoài:

✧ Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Stt	Danh mục	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	Không có	
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	8.678.141	3,73%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	6.133.572	2,64%
	Tổng cộng	14.811.713	6,37%

(Nguồn: TTLKCK Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM ngày 12/05/2010)

✧ Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn nước ngoài:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Deutsche Bank AG London	Winchester House, 1 Great Winchester Street, London, UK	Ngân hàng	3.934.295	1,69%	
2	Tong Yang Viet Nam Privatisation Trust Fund 1	6th Floor, Fyib Bldg., #23-8 Yeoido-Dong, Yeongdeunggpo-gu, Seoul, 150-707, Korea	Quỹ đầu tư	4.743.846	2,04%	
3	Sgam Viet Nam Opportunities Fund	C/O SG Asset Management (Singapore) Ltd., 80 Robinson Road, # 13-03, Singapore 068898	Quỹ đầu tư	2.100.000	0,90%	
	Tổng cộng			10.778.141	4,63%	

(Nguồn: TTLKCK Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM ngày 12/05/2010)

TP. Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 04 năm 2011

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Liên

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Văn Liên	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2010)
Ông Tạ Đức Tiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2010)
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên
Ông Đỗ Minh Toàn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Hòa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2010)
Ông Đồng Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2010)
Ông Tạ Đức Tiến	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2010)
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ông Phạm Việt Anh đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ông Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Số: 348 /2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và các công ty con (gọi tắt là “Tổng Công ty”) từ trang 3 đến trang 25. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

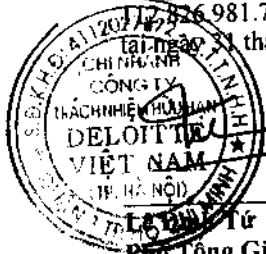
Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Nếu Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm 12.340.205.944 đồng (năm 2009: 12.826.981.715 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 31 tháng 12 năm 2009 sẽ có số dư bằng không.



Lê Văn Tư

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

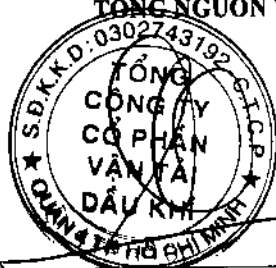
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.475.724.666.689	1.979.462.116.926
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.098.494.491.090	1.017.523.153.456
1. Tiền	111		354.247.536.490	131.969.911.658
2. Các khoản tương đương tiền	112		744.246.954.600	885.553.241.798
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	189.150.481.904	63.704.125.219
1. Đầu tư ngắn hạn	121		192.952.454.984	66.869.816.219
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.801.973.080)	(3.165.691.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.004.461.003.654	779.164.772.138
1. Phải thu khách hàng	131		455.661.363.409	295.358.659.805
2. Trả trước cho người bán	132		463.340.257.044	458.519.351.793
3. Các khoản phải thu khác	135		105.762.293.002	34.001.927.866
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(20.302.909.801)	(8.715.167.326)
IV. Hàng tồn kho	140	7	112.665.571.931	85.482.356.722
1. Hàng tồn kho	141		112.665.571.931	85.482.356.722
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		70.953.118.110	33.587.709.391
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.370.911.694	18.206.787.966
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.254.671.327	10.821.100.464
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		29.034.956.610	896.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.292.578.479	4.558.924.961
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.285.207.997.488	4.408.151.381.431
I. Tài sản cố định	220		5.018.515.385.914	4.200.348.904.163
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.500.373.684.007	3.705.536.058.963
- Nguyên giá	222		6.111.353.280.635	4.837.488.802.473
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.610.979.596.628)	(1.131.952.743.510)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	3.024.027.375	571.849.402
- Nguyên giá	228		3.642.376.520	916.446.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(618.349.145)	(344.597.118)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	515.117.674.532	494.240.995.798
II. Bất động sản đầu tư	240	11	8.511.460.000	8.511.460.000
- Nguyên giá	241		8.511.460.000	8.511.460.000
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		57.154.026.600	48.516.939.351
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	24.679.264.151
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	57.154.026.600	23.837.675.200
IV. Lợi thế thương mại	260		3.549.490.003	-
V. Tài sản dài hạn khác	270		197.477.634.971	150.774.077.917
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	13	192.711.506.588	147.771.488.875
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	14	697.860.545	795.317.042
3. Tài sản dài hạn khác	273		4.068.267.838	2.207.272.000
TỔNG TÀI SẢN	280		7.760.932.664.177	6.387.613.498.357

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.651.765.894.006	4.253.170.255.127
I. Nợ ngắn hạn	310		1.474.937.009.134	1.556.849.052.022
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	929.406.896.496	583.441.725.031
2. Phải trả người bán	312		312.826.305.910	514.872.940.868
3. Người mua trả tiền trước	313		768.716.310	6.271.775.002
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	29.173.964.617	21.463.994.191
5. Phải trả người lao động	315		21.948.842.504	16.129.946.747
6. Chi phí phải trả	316		119.036.926.363	112.294.294.915
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		56.088.112.824	299.927.778.284
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.687.244.110	2.446.596.984
II. Nợ dài hạn	330		3.176.828.884.872	2.696.321.203.105
1. Phải trả dài hạn khác	333		3.012.188.628	2.916.134.839
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	3.173.548.329.366	2.693.114.156.591
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		268.366.878	290.911.675
B. NGUỒN VỐN	400		2.342.173.207.360	1.436.906.122.742
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	2.342.173.207.360	1.436.906.122.742
1. Vốn chủ sở hữu	411		2.326.000.000.000	1.476.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(125.167.187.659)	(112.826.981.715)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		43.190.330.243	21.356.553.290
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.885.683.047	4.749.579.524
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.406.590.870	1.199.727.349
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		78.857.790.859	46.427.244.294
C. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	19	766.993.562.811	697.537.120.488
TỔNG NGUỒN VỐN	600		7.760.932.664.177	6.387.613.498.357



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2011


Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2010	2009
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.536.156.607.174	1.928.919.363.236
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(54.394.663)	(6.711.948)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	3.536.102.212.511	1.928.912.651.288
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	21	(3.169.989.461.537)	(1.779.774.239.534)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		366.112.750.974	149.138.411.754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	160.464.651.832	128.222.242.580
7. Chi phí tài chính	22	23	(348.038.778.444)	(186.075.586.111)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(135.020.543.878)	(105.029.878.472)
8. Chi phí bán hàng	24		(4.680.215.160)	(3.518.959.810)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(112.726.040.417)	(89.899.299.690)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		61.132.368.785	(2.133.191.277)
11. Thu nhập khác	31		39.371.662.692	13.952.811.083
12. Chi phí khác	32		(38.865.113.417)	(2.324.990.420)
13. Lợi nhuận khác	40		506.549.275	11.627.820.663
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.638.918.060	9.494.629.386
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(22.692.766.761)	(24.127.408.709)
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	14	(97.456.497)	(2.199.540.621)
17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	60		38.848.694.802	(16.832.319.944)
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		19	(36.210.119.755)	(25.559.341.396)
- Cổ đông của Tổng Công ty			75.058.814.557	8.727.021.452
18. Lợi nhuận trên cổ phiếu	70	25	343	61



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	61.638.918.060	9.494.629.386
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	423.686.636.981	339.576.059.866
Các khoản dự phòng	03	7.903.288.706	8.605.419.646
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	164.519.560.670	41.101.367.656
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(143.980.354.784)	(71.280.557.971)
Chi phí lãi vay	06	135.020.543.878	105.029.878.472
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	648.788.593.511	432.526.797.055
Tăng các khoản phải thu	09	(190.442.150.274)	(142.149.641.054)
Tăng hàng tồn kho	10	(27.183.215.209)	(61.749.732.707)
Tăng các khoản phải trả	11	42.712.434.370	432.594.500.383
Tăng chi phí trả trước	12	(42.104.141.441)	(144.451.967.348)
Tiền lãi vay đã trả	13	(212.166.073.079)	(166.142.906.581)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(53.880.328.381)	(36.309.800.795)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	130.478.824.351
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.743.832.090)	(2.637.055.404)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	162.981.287.406	442.159.017.900
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(625.105.137.638)	(1.629.287.692.501)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	359.090.909	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.189.820.189.523)	(157.991.530.219)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.059.421.199.358	168.088.560.200
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	137.089.786.260	70.785.099.297
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(618.055.250.634)	(1.548.405.563.223)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phần	31	350.205.340.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	643.451.276.478	1.300.389.649.523
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(457.994.004.109)	(1.173.695.600.135)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	382.688.492	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	536.045.300.862	126.694.049.388
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	80.971.337.634	(979.552.495.935)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.017.523.153.456	1.997.075.649.391
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	<u>1.098.494.491.090</u>	<u>1.017.523.153.456</u>

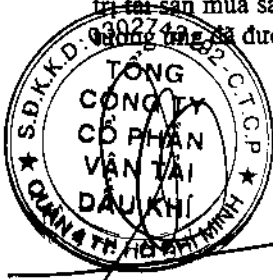
Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

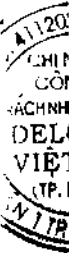
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu không bao gồm 499.794.660.000 đồng là số tiền góp vốn bằng cách bù trừ với công nợ phải trả. Vì vậy, một số tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang không bao gồm 61.733.742.231 đồng là giá trị tài sản mua sắm và chi phí xây dựng cơ bản phát sinh trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty mẹ là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 ngày 7 tháng 5 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 360 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 258 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Các công ty con

Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty Vận tải Dầu khí Vũng Tàu”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 8 tháng 10 năm 2008 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Vận tải Dầu khí Vũng Tàu là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Vận tải Dầu khí Vũng Tàu là 95%, 100% và 100%.

Công ty TNHH Vận tải Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là “Công ty Vận tải Dầu khí Hà Nội”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008. Hoạt động chính của Công ty Vận tải Dầu khí Hà Nội là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác; mua bán vật tư thiết bị và dịch vụ kỹ thuật dầu khí; mua bán xăng dầu và các sản phẩm dầu khí khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Vận tải Dầu khí Hà Nội là 97,25%, 100% và 100%.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty Phương Nam”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2009 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Phương Nam là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Phương Nam lần lượt là 53,75%.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty Thái Bình Dương”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Công ty Thái Bình Dương là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Thái Bình Dương là 51%, 51% và 64,92%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là “Công ty Vận tải Sản phẩm khí”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2008 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Vận tải Sản phẩm khí là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Vận tải Sản phẩm khí lần lượt là 70%, 65% và 73%. Vào ngày 22 tháng 12 năm 2010, Công ty Vận tải Sản phẩm khí mua lại 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, một công ty được chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0308515724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 22 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là “Công ty Đông Dương”) là công ty cổ phần được thành lập vào ngày 25 tháng 7 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với tổng vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Đông Dương là kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải khí hóa lỏng và xăng dầu và cho thuê xe hạng sang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Đông Dương lần lượt là 39%, 73% và 39%.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (gọi tắt là “Công ty Cửu Long”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006914 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 6 năm 2008 và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty Cửu Long là kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải, cho thuê xe hạng sang, mua bán hàng hóa, khí hóa lỏng, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ du lịch. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Cửu Long lần lượt là 23%, 60% và 23%.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là “Công ty Phương Đông Việt”) trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tỷ lệ vốn góp cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Cửu Long là 54%.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư 210 này yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

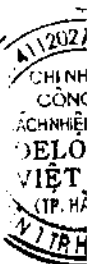
Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các năm tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

1/2-C
NH
Y
HẠN
TE
AM
Đ
CHI M

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 8 năm

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty Thái Bình Dương quyết định thay đổi thời gian khấu hao của tàu vận chuyển từ 10 năm lên 15 năm. Ban Giám đốc tin tưởng rằng thời gian khấu hao này phản ánh chính xác hơn thời gian sử dụng tài sản của các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại năm tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn, chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm kể từ ngày phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

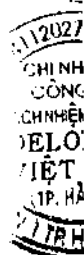
Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục này được hạch toán như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu hạch toán chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm 12.340.205.944 đồng (năm 2009: 112.826.981.715 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 31 tháng 12 năm 2009 sẽ có số dư bằng không.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các giai đoạn khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

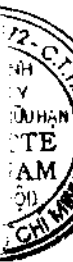
Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	2.717.984.051	4.418.218.728
Tiền gửi ngân hàng	428.661.471.039	127.551.692.930
Các khoản tương đương tiền	667.115.036.000	885.553.241.798
	<u>1.098.494.491.090</u>	<u>1.017.523.153.456</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam với mức lãi suất một năm từ 12% đến 14%.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	91.343.170.080	6.853.396.000
Đầu tư ngắn hạn khác	101.609.284.904	60.016.420.219
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.801.973.080)	(3.165.691.000)
	<u>189.150.481.904</u>	<u>63.704.125.219</u>

Đầu tư ngắn hạn khác thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 đến 12 tháng tại các ngân hàng và tổ chức tài chính với mức lãi suất tiền gửi là từ 11% đến 12,8% một năm.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	99.322.590.948	80.012.099.151
Công cụ, dụng cụ	1.942.998.059	1.169.742.099
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.863.061.917	986.065.029
Hàng hoá	9.536.921.007	3.314.450.443
	<u>112.665.571.931</u>	<u>85.482.356.722</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	808.674.836	3.974.483.543	4.826.250.985.458	6.454.658.636	4.837.488.802.473
Tăng trong năm	545.454.545	792.387.364	639.700.290.916	1.169.230.420	642.207.363.245
Xây dựng cơ bản hoàn thành	245.341.846	1.322.337.273	19.208.604.992	316.623.779	21.092.907.890
Tăng do hợp nhất	-	35.400.000	616.194.537.853	456.365.967	616.686.303.820
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(524.040.855)	-	(524.040.855)
Điều chỉnh theo kiểm toán nhà nước	-	-	(4.177.025.324)	-	(4.177.025.324)
Điều chỉnh khác	-	(1.058.063.000)	-	(362.967.614)	(1.421.030.614)
Tại ngày 31/12/2010	1.599.471.227	5.066.545.180	6.096.653.353.040	8.033.911.188	6.111.353.280.635
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	(111.374.150)	(805.777.351)	(1.128.010.161.133)	(3.025.430.876)	(1.131.952.743.510)
Khấu hao trong năm	(186.450.174)	(843.905.187)	(420.943.183.987)	(1.482.012.275)	(423.455.551.623)
Tăng do hợp nhất	-	(5.162.500)	(56.193.169.837)	(291.804.262)	(56.490.136.599)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	147.386.492	-	147.386.492
Điều chỉnh theo kiểm toán nhà nước	-	-	481.261.456	-	481.261.456
Điều chỉnh khác	-	244.334.990	269.230.960	(223.378.794)	290.187.156
Tại ngày 31/12/2010	(297.824.324)	(1.410.510.048)	(1.604.248.636.049)	(5.022.626.207)	(1.610.979.596.628)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	1.301.646.903	3.656.035.132	4.492.404.716.991	3.011.284.981	4.500.373.684.007
Tại ngày 31/12/2009	697.300.686	3.168.706.192	3.698.240.824.325	3.429.227.760	3.705.536.058.963

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 17, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lần lượt là 2.390.988.586.101 đồng và 1.912.989.596.303 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.653.005.935.425 đồng và 1.152.142.340.019 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng công ty có một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 17.428.571 đồng, 5.707.206.948 đồng và 2.321.646.281 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 lần lượt là 5.613.362.893 đồng và 1.620.486.432 đồng).

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương đã thay đổi tỷ lệ khấu hao phương tiện vận tải của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng và thời gian sử dụng tài sản của Công ty. Nếu Công ty tính khấu hao theo tỷ lệ trước đây, chi phí khấu hao năm 2010 sẽ tăng thêm 35.293.412.504 đồng.

Ngoài ra, trong năm 2010, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương đã điều chỉnh nguyên giá và giá trị khấu hao của tàu Athena theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 28 tháng 7 năm 2010 do phân bổ lại phí bảo hiểm đảm bảo vốn vay và vốn hóa chi phí lãi vay. Theo đó, nguyên giá của tàu Athena sẽ giảm đi 7.187.409.517 đồng và hao mòn lũy kế sẽ giảm đi 681.953.736 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2010	916.446.520
Tăng trong năm	2.661.930.000
Tăng do hợp nhất	64.000.000
Tại ngày 31/12/2010	<u>3.642.376.520</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2010	(344.597.118)
Khấu hao trong năm	(231.085.358)
Tăng do hợp nhất	(42.666.669)
Tại ngày 31/12/2010	<u>(618.349.145)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2010	<u><u>3.024.027.375</u></u>
Tại ngày 31/12/2009	<u><u>571.849.402</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 31 tháng 12 năm 2009, Tổng Công ty có một số phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 264.085.150 đồng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
- Dự án mua mới tàu chở dầu	249.996.825	-
- Dự án xây dựng cảng Dung Quất	3.240.314.292	2.537.968.051
- Dự án đóng mới tàu chở dầu	500.721.457.345	432.650.813.871
- Dự án mua xe bồn vận chuyển LPG	-	4.742.743.041
- Dự án xây dựng trạm dừng	-	2.098.281.321
- Dự án xây dựng trạm cung ứng nhiên liệu	2.011.201.352	153.130.909
- Dự án mua xe taxi	7.558.077.996	50.938.235.441
- Dự án xây dựng trạm nạp LPG	1.213.772.722	774.615.774
- Dự án khác	122.854.000	345.207.390
	<u><u>515.117.674.532</u></u>	<u><u>494.240.995.798</u></u>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị của ba lô đất đầu tư của Tổng Công ty tại khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiếc, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng giá trị hợp lý của các lô đất trên tại ngày kết thúc niên độ kế toán tương đương với giá trị ghi sổ của chúng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Bệnh viện Hữu Nghị	1.205.259.300	1.826.675.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn	10.011.000.000	10.011.000.000
PV KEEZ Pte. Ltd.	45.937.767.300	
Tiền gửi kỳ hạn	-	12.000.000.000
	57.154.026.600	23.837.675.200

Khoản đầu tư vào Bệnh viện Hữu nghị tại thành phố Hà Nội thể hiện khoản vốn góp mua máy chụp cắt lớp vi tính sáu mươi bốn lớp theo Hợp đồng góp vốn số 04/HĐGV-2006 tại Hà Nội. Tổng Công ty có quyền sở hữu tham gia và biểu quyết tất cả các vấn đề liên quan đối với tài sản được hình thành từ vốn góp tương ứng với phần vốn góp trên tổng giá trị tài sản.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn thể hiện khoản góp vốn theo Biên bản số 3845/BB-DKVN ngày 3 tháng 7 năm 2008 của Petro Việt Nam về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã góp 10.011.000.000 đồng, tương ứng 1% vốn góp.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập công ty PV KEEZ PTE. LTD tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chìm Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã góp 2.389.343 đô la Mỹ.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	178.655.744.261	135.868.888.152
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	3.949.372.707	6.041.689.662
Chi phí dài hạn khác	10.106.389.620	5.860.911.061
	192.711.506.588	147.771.488.875

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Chi phí phải trả và dự phòng VNĐ	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VNĐ	Lỗ được chuyển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2009	2.120.105.616	874.752.047	-	2.994.857.663
Tăng lợi nhuận trong năm	(1.553.210.338)	(874.752.047)	228.421.764	(2.199.540.621)
Tại ngày 31/12/2009	566.895.278	-	228.421.764	795.317.042
Tính vào lợi nhuận trong năm	130.965.267	-	(228.421.764)	(97.456.497)
Tại ngày 31/12/2010	697.860.545	-	-	697.860.545

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn	339.665.376.000	349.659.257.177
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 17)	589.741.520.496	233.782.467.854
	929.406.896.496	583.441.725.031

Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính khác với tổng hạn mức vay là 12.510.000 đô la Mỹ và 111 tỷ đồng và mức lãi suất lãi tiền vay một năm từ 6,8% đến 10,5% cho các khoản vay bằng đồng Việt Nam và được miễn lãi tiền vay cho khoản vay bằng đô la Mỹ. Các khoản vay khác đều không có đảm bảo. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã giải ngân với tổng số tiền là 102.826.056.000 đồng và 12.510.000 đô la Mỹ.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	9.595.763.259	8.310.015.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.712.665.122	10.892.081.628
Thuế khác	10.865.536.236	2.261.896.690
	29.173.964.617	21.463.994.191

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính với tổng hạn mức tín dụng là 113.584.166.800 đồng, 181.166.702 đô la Mỹ và 15.697.500.000 yên Nhật (tương đương 183.973.519 đô la Mỹ). Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty cùng doanh thu về cước tàu của Công ty Thái Bình Dương và phần vốn góp của Tổng Công ty trong công ty này. Tổng Công ty phải chịu lãi suất lãi tiền vay từ 4,34% đến 6,5% cho khoản vay bằng tiền đô la Mỹ và lãi suất kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88% một năm hoặc lãi suất từ 10,5% đến 15,4% cho khoản vay bằng tiền đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã giải ngân với tổng số tiền là 75.092.864.045 đồng và 194.812.856 đô la Mỹ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	589.200.606.210	233.782.467.854
Trong năm thứ hai	594.956.415.297	410.739.244.186
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.518.752.355.183	1.143.988.833.758
Sau năm năm	1.060.380.473.172	1.138.386.078.647
	3.763.289.849.862	2.926.896.624.445
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(589.741.520.496)	(233.782.467.854)
Số phải trả sau 12 tháng	3.173.548.329.366	2.693.114.156.591

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phần được phép phát hành	232.600.000	147.600.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	232.600.000	147.600.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 03/VTĐK-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 9 năm 2009, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 85.000.000 cổ phần, trong đó 81.180.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu và 3.820.000 cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tổng Công ty. Việc phát hành thêm cổ phần của Tổng Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn tại Quyết định số 460/UBCK-GCN ngày 1 tháng 12 năm 2009. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã nhận đủ vốn góp từ cổ đông.

Chi tiết cổ phần sở hữu của các cổ đông lớn tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.358.499.460.000	58,4	867.730.000.000	59
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam	193.485.380.000	8,3	150.873.700.000	10

Chi tiết thay đổi vốn chủ sở hữu trong giai đoạn như sau:

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1/1/2009	720.000.000.000	(41.228.063.000)	1.113.048.267	1.051.390.410	2.268.817	67.129.523.462	748.068.167.956
Tăng vốn trong năm	756.000.000.000	-	-	-	-	-	756.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	8.727.021.452	8.727.021.452
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	(71.598.918.715)	-	-	-	-	(71.598.918.715)
Phân phối quỹ	-	-	20.243.505.023	3.698.189.114	1.427.458.532	(29.429.300.620)	(4.060.147.951)
Giảm khác	-	-	-	-	(230.000.000)	-	(230.000.000)
Tại ngày 31/12/2009	1.476.000.000.000	(112.826.981.715)	21.356.553.290	4.749.579.524	1.199.727.349	46.427.244.294	1.436.906.122.742
Tăng vốn	850.000.000.000	-	-	-	-	-	850.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	75.058.814.557	75.058.814.557
Phân bổ vào kết quả kinh doanh	-	132.486.409.386	-	-	-	-	132.486.409.386
Chênh lệch tỉ giá đánh giá lại cuối năm	-	(140.046.443.568)	-	-	-	-	(140.046.443.568)
Tăng khác	-	-	-	-	-	382.688.492	382.688.492
Phân phối quỹ	-	-	21.833.776.953	12.136.103.523	1.217.042.093	(43.010.956.484)	(7.824.033.915)
Giảm khác	-	(4.780.171.762)	-	-	(10.178.572)	-	(4.790.350.334)
Tại ngày 31/12/2010	2.326.000.000.000	(125.167.187.659)	43.190.330.243	16.885.683.047	2.406.590.870	78.857.790.859	2.342.173.207.360

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***19. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Công ty CP VTXD Phương Nam VNĐ	Công ty CP VTDK Thái Bình Dương VNĐ	Công ty CP VT Sản phẩm khí Quốc tế VNĐ	Công ty CP VTDK Đồng Dương VNĐ	Công ty CP VTDK Cần Lơng VNĐ	Công ty CP VT Dầu Phương Đông Việt VNĐ	Công ty CP VT Nhật Việt VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	282.000.000.000	942.750.280.000	184.051.000.000	100.000.000.000	230.000.000.000	-	-
Vốn điều lệ của công ty con							
Trong đó:							
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	146.880.000.000	612.000.000.000	70.000.000.000	38.670.000.000	52.037.720.000	-	-
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	141.120.000.000	330.750.280.000	114.051.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	-	-
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	49%	35%	62%	61%	77%	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	382.565.079.405	942.750.280.000	300.000.000.000	100.000.000.000	230.000.000.000	140.000.000.000	50.000.000.000
Vốn của cổ đông thiểu số							
Trong đó:							
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	205.632.000.000	612.000.000.000	218.324.000.000	38.670.000.000	52.037.720.000	75.974.870.000	25.500.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	176.933.079.405	330.750.280.000	81.676.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000	24.500.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	46%	35%	27%	61%	77%	46%	49%

Lợi ích của cổ đông thiểu số:

	Công ty CP VTXD Phương Nam VNĐ	Công ty CP VTDK Thái Bình Dương VNĐ	Công ty CP VT Sản phẩm khí Quốc tế VNĐ	Công ty CP VTDK Đồng Dương VNĐ	Công ty CP VTDK Cần Lơng VNĐ	Công ty CP VT Dầu Phương Đông Việt VNĐ	Công ty CP VT Nhật Việt VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009								
Vốn của cổ đông thiểu số	82.368.000.000	330.750.280.000	114.051.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	-	-	766.461.560.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(30.991.824.003)	(14.656.980.126)	295.087.762	-	-	-	-	(45.353.726.367)
Quỹ đầu tư và phân triển	-	-	2.535.739.450	-	-	-	-	2.535.739.450
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	1.267.869.726	-	-	-	-	1.267.869.726
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	800.251.241	-	-	-	-	800.251.241
Lợi nhuận chưa phân phối	(55.848.390.067)	18.372.866.643	12.787.894.677	(179.861.345)	(3.666.296.140)	-	-	(28.174.573.562)
	(4.472.734.078)	30.666.156.517	131.237.842.856	61.589.861.345	174.295.983.860	-	-	697.537.128.680
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010								
Vốn của cổ đông thiểu số	176.933.079.405	330.750.280.000	81.676.000.000	61.330.000.000	177.962.280.000	64.025.130.000	24.500.000.000	912.176.769.405
Tăng từ vốn cổ phần	-	-	-	-	-	229.661.179	-	229.661.179
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(412.764.744.492)	(9.478.266.446)	-	-	-	(19.486.142.529)	-	(71.729.133.467)
Quỹ đầu tư và phân triển	-	9.760.851.607	2.398.413.405	-	-	-	-	12.159.265.012
Quỹ dự phòng tài chính	-	1.315.480.435	1.199.206.705	-	-	-	-	2.514.687.138
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	657.740.218	-	-	-	-	-	657.740.218
Lợi nhuận chưa phân phối	(87.663.084.949)	7.628.738.579	7.592.675.989	339.696.659	35.512.877	(22.711.788.797)	5.761.841.948	(64.014.407.674)
	66.507.249.966	348.634.825.293	92.666.296.097	61.669.696.659	177.997.792.877	17.853.899.825	30.261.841.948	766.930.563.211

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	Công ty CP VTXD Phương Nam VNĐ	Công ty CP VTDK Thái Bình Dương VNĐ	Công ty CP VT Sản phẩm khí Quốc tế VNĐ	Công ty CP VTDK Đồng Dương VNĐ	Công ty CP VTDK Cần Lơng VNĐ	Công ty CP VT Dầu Phương Đông Việt VNĐ	Công ty CP VT Nhật Việt VNĐ	Tổng VNĐ
Năm 2009								
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(129.831.746.923)	35.005.692.330	34.748.983.838	1.117.564.720	4.121.925.475	-	-	(54.837.580.560)
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	(68.617.355.992)	17.152.789.242	12.030.476.999	685.402.442	3.189.545.933	-	-	(25.599.341.396)
Năm 2010								
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(80.061.480.363)	21.744.487.808	36.977.197.736	280.615.253	4.783.938.196	(46.635.937.597)	1.218.645.438	(61.732.553.529)
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	(37.027.250.375)	7.628.738.579	10.067.165.341	159.835.335	3.701.567.689	(21.336.812.503)	597.136.265	(36.210.119.755)

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Dịch vụ vận tải	2.500.433.273.956	1.513.242.729.100
Dịch vụ cung cấp kho nổi	184.273.843.479	62.845.433.616
Thương mại	756.034.461.872	239.127.914.752
Dịch vụ khác	95.360.633.204	113.696.573.820
	<u>3.536.102.212.511</u>	<u>1.928.912.651.288</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Dịch vụ vận tải	2.196.643.258.747	1.385.598.384.738
Dịch vụ cung cấp kho nổi	159.658.765.621	54.979.564.458
Thương mại	733.800.020.481	281.367.840.842
Dịch vụ khác	79.887.416.688	57.828.449.496
	<u>3.169.989.461.537</u>	<u>1.779.774.239.534</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	137.825.365.838	60.046.450.878
Lãi đầu tư cổ phiếu	83.100.000	155.310.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.453.274.000	5.460.770.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.466.733.594	56.325.841.617
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.636.178.400	6.233.870.085
	<u>160.464.651.832</u>	<u>128.222.242.580</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền vay	135.020.543.878	105.029.878.472
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.866.680.995	35.618.928.859
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	164.519.560.670	41.101.367.656
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.684.003.769)	4.325.411.124
Chi phí tài chính khác	315.996.670	-
	<u>348.038.778.444</u>	<u>186.075.586.111</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	61.638.918.060	9.494.629.386
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(104.246.505.412)	(17.755.557.164)
Cộng: Các khoản lỗ của công ty con	126.717.437.960	134.491.714.708
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	12.548.275.616	2.188.030.093
Thu nhập chịu thuế	96.658.126.224	128.418.817.023
Lỗ năm trước mang sang	(5.887.059.181)	(6.256.263.605)
Thu nhập chịu thuế đã điều chỉnh	90.771.067.043	122.162.553.418
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.692.766.761	30.540.638.354
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	(6.413.229.645)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau điều chỉnh	22.692.766.761	24.127.408.709

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong năm như sau:

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	38.848.694.802	(16.832.319.944)
Phân bổ cho:		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	(36.210.119.755)	(25.559.341.396)
- Cổ đông của Tổng công ty	75.058.814.557	8.727.021.452
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	71.305.873.829	8.290.670.379
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	207.672.377	136.415.342
Lãi cơ bản trên cổ phiếu cơ bản	343	61

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2010 không bao gồm số trích quỹ khen thưởng và phúc lợi ước tính 5% lợi nhuận sau thuế. Số tiền cuối cùng sẽ được phê duyệt bởi Cổ đông tại Đại hội thường niên năm 2011.

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2007, Tổng Công ty đã ký hợp đồng thiết kế và đóng mới 3 tàu chở dầu thô loại Aframax trọng tải 105.000 DWT với tổng giá trị cho một tàu là 63.841.000 đô la Mỹ với Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất trực thuộc Tập Dầu khí Việt Nam, gọi tắt là bên Bán. Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng theo Hợp đồng cho bên Bán nhằm chuẩn bị cho việc đóng mới tàu số một. Tuy nhiên, do bên Bán không đảm bảo tiến độ đóng tàu, nên Tổng Công ty đã mua mới một tàu trong năm 2009 và chỉ đóng mới 2 tàu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, việc đóng mới hai con tàu vẫn chưa hoàn tất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>194.949.520.016</u>	<u>35.361.209.259</u>
Tại ngày kết thúc niên độ, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	102.997.746.217	75.897.285.943
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	357.762.052.735	197.869.569.574
Sau năm năm	286.930.892.976	-
	<u>747.690.691.928</u>	<u>273.766.855.517</u>

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê kho và thuê tàu của Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản thuê văn phòng và thuê kho được ký cho các giai đoạn từ ba năm đến bảy năm. Khoản thuê tàu được ký với thời hạn là 10 năm.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Dịch vụ cung cấp		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>2.091.704.994.837</u>	<u>844.753.343.722</u>
Góp vốn trong năm		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	490.769.460.000	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>42.611.680.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lương	3.152.387.809	2.850.656.043
Thưởng	1.343.523.000	229.149.095
	<u>4.495.910.809</u>	<u>3.079.805.138</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>346.418.187.579</u>	<u>208.544.156.152</u>
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>97.186.626.131</u>	<u>569.009.678.581</u>
Các khoản vay phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	<u>878.660.260.825</u>	<u>375.906.146.813</u>

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã công bố tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng từ 18.932 đồng/đô la Mỹ lên 20.693 đồng/đô la Mỹ, tương ứng tăng 9,3%. Bên cạnh đó, giá xăng đã hai lần tăng từ 16.400 đồng lên 21.300 đồng từ ngày 24 tháng 2 năm 2011 đến ngày 29 tháng 3 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá và giá xăng này không gây ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình hoạt động của Tổng Công ty vì giá cước dịch vụ của Tổng Công ty được xác định bằng đô la Mỹ và Công ty cũng đang đàm phán tăng giá cước theo tỷ lệ tăng phí xăng dầu.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi tiết như sau:

	Trước khi phân loại lại VNĐ	Sau khi Phân loại lại VNĐ	Chênh lệch VNĐ
Tài sản ngắn hạn			
Trả trước cho người bán	37.889.043.873	458.519.351.793	420.630.307.920
Các khoản phải thu khác	1.751.202.535.796	149.024.961.311	(1.602.177.574.485)
Tài sản dài hạn			
Phải thu dài hạn khác	-	1.602.177.574.485	1.602.177.574.485
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	914.871.303.718	494.240.995.798	(420.630.307.920)



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Liên	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2010)
Ông Tạ Đức Tiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2010)
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên
Ông Đỗ Minh Toàn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Hòa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2010)
Ông Đồng Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2010)
Ông Tạ Đức Tiến	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2010)
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Số: 347 /2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) từ trang 3 đến trang 23.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Nếu Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ tăng 19.444.998.961 đồng (năm 2009: giảm 54.249.844.445 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 31 tháng 12 năm 2009 sẽ có số dư bằng không.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chi nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Đây là báo cáo tài chính riêng, nên Tổng Công ty đã hạch toán các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo phương pháp giá gốc.



Lê Đình Anh
Ban Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Võ Đại Trọng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**MẪU B 01-DN**
Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.522.538.737.545	935.153.376.718
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	321.405.672.413	420.391.367.082
1. Tiền	111		271.405.672.413	82.391.367.082
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	338.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	31.440.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	31.440.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.125.266.139.945	437.280.585.757
1. Phải thu khách hàng	131		649.412.291.870	276.023.227.197
2. Trả trước cho người bán	132		20.279.142.439	16.626.221.980
3. Các khoản phải thu khác	135		463.573.167.427	149.024.961.311
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.998.461.791)	(4.393.824.731)
IV. Hàng tồn kho	140		38.843.679.166	31.771.602.080
1. Hàng tồn kho	141	6	38.843.679.166	31.771.602.080
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.023.246.021	14.269.821.799
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.645.932.539	12.531.392.034
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.206.568.192	50.235.774
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	29.014.511.582	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.156.233.708	1.688.193.991
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.313.120.702.745	3.848.170.689.771
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.735.642.009.772	1.602.177.574.485
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	1.735.642.009.772	1.602.177.574.485
II. Tài sản cố định	220		1.157.734.549.533	1.011.844.735.748
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.154.021.568.370	1.009.152.590.921
- Nguyên giá	222		2.077.490.366.132	1.824.094.308.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(923.468.797.762)	(814.941.717.439)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	222.670.046	154.176.776
- Nguyên giá	228		569.704.500	417.854.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(347.034.454)	(263.677.724)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	3.490.311.117	2.537.968.051
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.306.549.995.016	1.108.538.125.890
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	1.352.481.126.335	1.073.847.861.739
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	29.000.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	13	55.948.767.300	10.011.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(101.879.898.619)	(4.320.735.849)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		113.194.148.424	125.610.253.648
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	109.921.697.166	123.270.158.370
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	697.860.545	566.895.278
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.574.590.713	1.773.200.000
TỔNG TÀI SẢN	270		5.835.659.440.290	4.783.324.066.489

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.437.394.636.508	3.260.069.606.575
I. Nợ ngắn hạn	310		1.391.608.172.488	1.337.988.645.329
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	609.427.583.521	370.793.875.967
2. Phải trả người bán	312		628.549.355.887	342.378.629.374
3. Người mua trả tiền trước	313		52.524.941	19.108.600
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	1.697.116.031	10.992.887.224
5. Phải trả người lao động	315		8.787.184.830	8.360.428.050
6. Chi phí phải trả	316		63.537.482.002	67.833.878.289
7. Phải trả nội bộ	317		173.070.000	7.549.360.774
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		76.335.481.466	528.457.149.757
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.048.373.810	1.603.327.294
II. Nợ dài hạn	330		2.045.786.464.020	1.922.080.961.246
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	2.045.650.162.296	1.921.911.217.696
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		136.301.724	169.743.550
B. NGUỒN VỐN	400		2.398.264.803.782	1.523.254.459.914
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	2.398.264.803.782	1.523.254.459.914
1. Vốn chủ sở hữu	411		2.326.000.000.000	1.476.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(34.804.845.484)	(54.249.844.445)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.718.370.173	18.718.370.173
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.246.059.852	3.430.487.965
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.189.548.777	1.199.727.349
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		75.915.670.464	78.155.718.872
TỔNG NGUỒN VỐN	440		5.835.659.440.290	4.783.324.066.489

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	
	31/12/2010	31/12/2009
3021437 - Các loại tài sản công cụ	143.215	681.368
	441	2.598



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

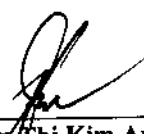
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2010	2009
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	2.298.643.928.364	1.122.191.850.804
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.298.643.928.364	1.122.191.850.804
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	22	(2.102.714.106.084)	(1.015.291.741.131)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		195.929.822.280	106.900.109.673
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	80.264.831.273	40.946.292.382
7. Chi phí tài chính	22	24	(212.261.253.474)	(67.638.427.404)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(37.490.223.333)	(32.137.605.095)
8. Chi phí bán hàng	24		(18.571.767.635)	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(38.319.818.047)	(37.111.866.657)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		7.041.814.397	43.096.107.994
11. Thu nhập khác	31	25	205.618.048.297	11.160.288.999
12. Chi phí khác	32	25	(203.037.182.938)	-
13. Lợi nhuận khác	40	25	2.580.865.359	11.160.288.999
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.622.679.756	54.256.396.993
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	(156.335.600)	(9.163.206.207)
16. Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52	16	130.965.267	(2.427.962.385)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		<u>9.597.309.423</u>	<u>42.665.228.401</u>



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2011


Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: Đồng

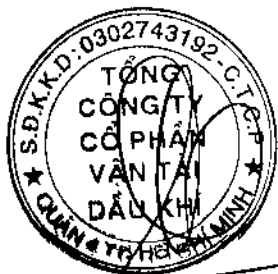
CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.622.679.756	54.256.396.993
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	111.033.350.045	93.391.069.535
Các khoản dự phòng	03	101.163.799.830	6.370.641.600
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	41.962.380.391	5.310.435.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(73.597.573.240)	(24.774.050.721)
Chi phí lãi vay	06	37.490.223.333	32.137.605.095
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	227.674.860.115	166.692.097.502
Tăng các khoản phải thu	09	(631.385.447.725)	(512.526.221.121)
Tăng hàng tồn kho	10	(7.072.077.086)	(20.538.540.291)
Tăng các khoản phải trả	11	505.261.123.458	593.232.633.444
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	20.585.338.095	(128.339.246.296)
Tiền lãi vay đã trả	13	(118.161.517.144)	(88.736.375.872)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(31.334.807.095)	(26.607.129.444)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(673.901.585)	(2.345.836.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35.106.428.967)	(19.168.619.076)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(459.697.948.469)	(2.777.288.996)
2. Tiền chi cho vay	23	(987.382.422.223)	-
3. Tiền thu hồi cho vay	24	1.018.822.422.223	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(264.411.637.300)	(431.731.127.153)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	20.400.000.000	60.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.820.301.018	21.785.322.943
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(596.449.284.751)	(352.723.093.206)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phần	31	350.205.340.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	480.473.000.000	1.225.264.364.907
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(298.110.339.734)	(1.025.516.848.750)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(563.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	532.567.436.666	199.747.516.157
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(98.988.277.052)	(172.144.196.125)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	420.391.367.082	592.535.563.207
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	2.582.383	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	<u>321.405.672.413</u>	<u>420.391.367.082</u>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

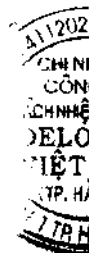
Một phần cổ phần phát hành thêm trong năm, trị giá 499.794.660.000 đồng của Tổng Công ty được thanh toán bằng việc bù trừ với công nợ phải trả. Số cổ phần này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong năm nên không được trình bày trong báo cáo trên đây.

Một phần khoản đầu tư vào đơn vị khác trong năm với số tiền là 51.559.394.596 đồng của Tổng Công ty được thanh toán bằng việc bù trừ với công nợ phải thu. Do đó, số tiền này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong năm nên không được trình bày trong báo cáo trên đây.



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Tổng Công ty là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 ngày 7 tháng 5 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 360 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 258 người).

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty; vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

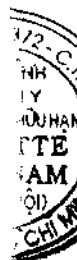
Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư này yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị
Thiết bị văn phòng
Phương tiện vận tải

5 năm
3 - 7 năm
6 - 12 năm

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm khoản đầu tư vào các công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các năm tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn và duy tu tàu, chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá các khoản mục này được hạch toán như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu hạch toán chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ tăng 19.444.998.961 đồng (năm 2009: giảm 54.249.844.445 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 31 tháng 12 năm 2009 sẽ có số dư bằng không.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	541.290.331	389.946.276
Tiền gửi ngân hàng	270.864.382.082	82.001.420.806
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	338.000.000.000
	321.405.672.413	420.391.367.082

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn ba tháng bằng Việt Nam đồng tại ngân hàng với lãi suất 12,5%/năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	38.843.679.166	31.736.908.080
Công cụ, dụng cụ	-	34.694.000
	38.843.679.166	31.771.602.080

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	6.366.468	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.008.145.114	-
	29.014.511.582	-

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	145.435.468.859	163.172.100.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.420.931.117.181	1.439.005.474.485
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	169.275.423.732	-
	1.735.642.009.772	1.602.177.574.485

Các khoản phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan, không có đảm bảo và không chịu lãi suất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2010	17.428.571	4.416.331.394	1.819.660.548.395	1.824.094.308.360
Tăng trong năm	-	612.912.318	457.956.280.235	458.569.192.553
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(204.846.280.235)	(204.846.280.235)
Điều chỉnh	-	(326.854.546)	-	(326.854.546)
Tại ngày 31/12/2010	<u>17.428.571</u>	<u>4.702.389.166</u>	<u>2.072.770.548.395</u>	<u>2.077.490.366.132</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại ngày 1/1/2010	(13.238.607)	(2.500.404.237)	(812.428.074.595)	(814.941.717.439)
Khấu hao trong năm	(4.189.964)	(869.909.633)	(110.075.893.718)	(110.949.993.315)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.422.912.992	2.422.912.992
Tại ngày 31/12/2010	<u>(17.428.571)</u>	<u>(3.370.313.870)</u>	<u>(920.081.055.321)</u>	<u>(923.468.797.762)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	<u>-</u>	<u>1.332.075.296</u>	<u>1.152.689.493.074</u>	<u>1.154.021.568.370</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>4.189.964</u>	<u>1.915.927.157</u>	<u>1.007.232.473.800</u>	<u>1.009.152.590.921</u>

Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với nguyên giá là 1.067.377.500.000 đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 17.428.571 đồng, 3.867.254.400 đồng và 1.638.857.648 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: lần lượt là 0 đồng, 3.867.254.400 đồng và 1.392.228.826 đồng).

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm
kế toán
VNĐ

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 1/1/2010	417.854.500
Tăng trong năm	151.850.000
Tại ngày 31/12/2010	<u>569.704.500</u>

GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ

Tại ngày 1/1/2010	(263.677.724)
Khấu hao trong năm	(83.356.730)
Tại ngày 31/12/2010	<u>(347.034.454)</u>

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2010	<u>222.670.046</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>154.176.776</u>

Phần mềm kế toán bao gồm cả một số phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 219.460.150 đồng, không thay đổi so với cuối năm 2009.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	2010	2009
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	2.537.968.051	1.044.634.051
Tăng	976.905.916	1.493.334.000
Điều chỉnh khác	(24.562.850)	-
Tại ngày 31 tháng 12	3.490.311.117	2.537.968.051

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện khoản chi phí đầu tư vào dự án Cảng Dung Quất của Tổng Công ty.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu về vốn	Quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	92 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu.	95%	95%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nội, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	96 Nguyễn Du, Hà Nội	97%	97%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nội, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Tầng 4, Tòa nhà H3, 384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	54%	54%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Tầng 4, Tòa nhà H3, 384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	51%	65%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Sản phẩm khí Quốc tế	12 AB Thanh Đa, phường 17, quận Bình	73%	65%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Thanh, thành phố Hồ Chí Minh			dịch vụ : đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.
Công ty TNHH một thành viên Vận tải Dầu khí Đông Dương	A55, Ngõ 61 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	39%	73%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản: đầu tư, tạo lập, mua, nhận chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản để bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	23%	60%	Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa; mua bán phương tiện, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành giao. thông vận tải, sản phẩm gas LPG, CNG, LNG; đại lý kinh doanh xăng dầu; dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng; kinh doanh nhà hàng, khách sạn; kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; kinh doanh bãi đỗ xe, trạm dừng; đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhà máy thủy điện; kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải biển và mua bán phân bón.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	Lầu 8, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, Quận 1, TPHCM	54%	54%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dáy nghề, chuẩn bị mặt bằng

Chi tiết số vốn đã góp vào các công ty con tại ngày kết thúc niên độ kế toán của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	76.000.000.000	77.446.885.639
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	71.067.536.335	18.061.256.100
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	205.632.000.000	205.632.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	612.000.000.000	612.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	219.204.000.000	70.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	38.670.000.000	38.670.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	52.037.720.000	52.037.720.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	77.869.870.000	-
	1.352.481.126.335	1.073.847.861.739

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tổng Công ty đã dùng khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng Citibank.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
PV KEEZ Pte. Ltd.	45.937.767.300	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn	10.011.000.000	10.011.000.000
	<u>55.948.767.300</u>	<u>10.011.000.000</u>

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập công ty PV KEEZ PTE. LTD tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chim Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã góp 2.389.343 đô la Mỹ.

Ngoài ra, Tổng Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn với số tiền 10.011.000.000 đồng, tương ứng 1% vốn góp.

14. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	104.546.957.719	118.948.949.601
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	2.439.905.186	3.999.559.269
Chi phí dài hạn khác	2.934.834.261	321.649.500
	<u>109.921.697.166</u>	<u>123.270.158.370</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VNĐ	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2009	2.120.105.616	874.752.047	2.994.857.663
Tính vào lợi nhuận trong năm	(1.553.210.338)	(874.752.047)	(2.427.962.385)
Tại ngày 31/12/2009	566.895.278	-	566.895.278
Tính vào lợi nhuận trong năm	130.965.267	-	130.965.267
Tại ngày 31/12/2010	697.860.545	-	697.860.545

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn	236.839.320.000	251.760.337.177
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 19)	372.588.263.521	119.033.538.790
	609.427.583.521	370.793.875.967

Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với số tiền là 12.510.000 đô la Mỹ. Đây là khoản vay vốn từ Petro Việt Nam được ủy thác qua Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Khoản vay này không có đảm bảo và được miễn chi phí lãi vay trong năm 2010. Khoản vay này được Tổng Công ty lên kế hoạch thanh toán trước ngày 15 tháng 4 năm 2011.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.170.326.381
Thuế khác	1.697.116.031	8.822.560.843
	1.697.116.031	10.992.887.224

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính với tổng hạn mức tín dụng là 93.637.190 đô la Mỹ và 15.697.500.000 yên Nhật (tương đương 183.973.519 đô la Mỹ). Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty và doanh thu về cước tàu của Công ty Thái Bình Dương và phần vốn góp của Tổng Công ty trong công ty này. Tổng Công ty phải chịu lãi tiền vay với mức lãi suất hàng năm từ 4,34% đến 6,68%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đang vay nợ với tổng số tiền là 127.732.855 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 113.758.695 đô la Mỹ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	372.588.263.521	119.033.538.790
Trong năm thứ hai	384.894.072.608	296.018.848.522
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	922.846.739.016	802.258.709.277
Sau năm năm	737.909.350.672	823.633.659.897
	2.418.238.425.817	2.040.944.756.486
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(372.588.263.521)	(119.033.538.790)
Số phải trả sau 12 tháng	2.045.650.162.296	1.921.911.217.696

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phần được phép phát hành	232.600.000	147.600.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	232.600.000	147.600.000
Mệnh giá (đồng)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 03/VTĐK-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 9 năm 2009, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 85 triệu cổ phần, trong đó 81,18 triệu cổ phần cho cổ đông hiện hữu và 3,82 triệu cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tổng Công ty. Việc phát hành thêm cổ phần của Tổng Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty phát hành toàn bộ số cổ phần trên đây.

Chi tiết cổ phần sở hữu của các cổ đông lớn tại ngày khóa sổ như sau:

	31/12/2010 VNĐ	%	31/12/2009 VNĐ	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.358.499.460.000	58,4	867.730.000.000	59
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam	193.485.380.000	8,3	150.873.700.000	10

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Chênh lệch tỉ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2009	720.000.000.000	(28.496.010.262)	1.113.048.267	1.051.390.410	2.268.817	59.281.466.019	752.952.163.251
Tăng vốn trong năm	756.000.000.000	-	-	-	-	42.665.228.401	756.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	42.665.228.401
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	(25.753.834.183)	-	-	-	-	(25.753.834.183)
Phân phối quỹ	-	-	17.605.321.906	2.379.097.555	1.427.458.532	(23.790.975.548)	(2.379.097.555)
Giảm khác	-	-	-	-	(230.000.000)	-	(230.000.000)
Tại ngày 31/12/2009	1.476.000.000.000	(54.249.844.445)	18.718.370.173	3.430.487.965	1.199.727.349	78.155.718.872	1.523.254.459.914
Tăng vốn trong năm	850.000.000.000	-	-	-	-	-	850.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	9.597.309.423	9.597.309.423
Phân bổ vào kết quả kinh doanh	-	9.929.229.107	-	-	-	-	9.929.229.107
Chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại cuối năm	-	9.515.769.854	-	-	-	-	9.515.769.854
Phân phối quỹ	-	-	-	7.815.571.887	-	(11.837.357.831)	(4.021.785.944)
Giảm khác	-	-	-	-	(10.178.572)	-	(10.178.572)
Tại ngày 31/12/2010	2.326.000.000.000	(34.804.845.484)	18.718.370.173	11.246.059.852	1.189.548.777	75.915.670.464	2.398.264.803.782

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung các quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi của Tổng Công ty với số tiền tương ứng 7.815.571.887 đồng và 3.901.785.944 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010 thông qua ngày 21 tháng 5 năm 2010.

21. DOANH THU

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Dịch vụ vận tải	1.709.470.861.381	837.772.339.092
Dịch vụ kho nổi	184.273.843.479	62.845.433.616
Thương mại	29.535.970.833	63.235.347.278
Dịch vụ khác	375.363.252.671	158.338.730.818
	<u>2.298.643.928.364</u>	<u>1.122.191.850.804</u>

22. GIÁ VỐN

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Dịch vụ vận tải	1.567.496.731.409	759.852.131.543
Dịch vụ kho nổi	159.658.765.621	54.979.564.458
Thương mại	28.878.550.084	62.484.061.491
Dịch vụ khác	346.680.058.970	137.975.983.639
	<u>2.102.714.106.084</u>	<u>1.015.291.741.131</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi, ủy thác đầu tư	58.575.509.240	19.313.280.721
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.667.258.033	16.172.241.661
Lợi nhuận được chia	10.422.064.000	5.460.770.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.600.000.000	-
	<u>80.264.831.273</u>	<u>40.946.292.382</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	37.490.223.333	32.137.605.095
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.249.486.980	25.869.651.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	41.962.380.391	5.310.435.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	97.559.162.770	4.320.735.849
	212.261.253.474	67.638.427.404

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	2010	2009
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	202.423.367.243	45.256.500
Thu nhập khác	3.194.681.054	11.115.032.499
	205.618.048.297	11.160.288.999
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(202.423.367.243)	-
Chi phí khác	(613.815.695)	-
	(203.037.182.938)	-
Lợi nhuận khác	2.580.865.359	11.160.288.999

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	9.622.679.756	54.256.396.993
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(9.569.450.000)	(17.660.907.164)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	572.112.644	57.335.000
Thu nhập chịu thuế	625.342.400	36.652.824.829
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	156.335.600	9.163.206.207

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2007, Tổng Công ty đã ký hợp đồng thiết kế và đóng mới 3 tàu chở dầu thô loại Aframax trọng tải 105.000 DWT với tổng giá trị cho một tàu là 63.841.000 đô la Mỹ với Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam và Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất, gọi tắt là bên Bán. Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng theo Hợp đồng cho bên Bán nhằm chuẩn bị cho việc đóng mới tàu số một. Tuy nhiên, do bên Bán không đảm bảo tiến độ đóng tàu, nên trong năm 2009, Tổng Công ty đã mua mới một tàu trong năm 2009 và chỉ đóng mới 2 tàu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, việc đóng mới hai con tàu vẫn chưa hoàn tất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>188.380.116.087</u>	<u>31.748.677.792</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	94.359.482.416	72.083.934.504
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	344.682.357.376	191.912.363.294
Sau năm năm	286.930.892.976	-
	<u>725.972.732.768</u>	<u>263.996.297.798</u>

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng của Tổng Công ty và thuê tàu. Các hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn năm năm, hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn mười năm.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dịch vụ cung cấp		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	431.507.701.050	151.558.416.199
Ban quản lý Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	533.477.147.088	514.020.818.309
Công ty Dầu khí Đại Hùng	199.220.808.597	-
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	681.173.198.159	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	135.610.501.373	73.441.846.005
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	155.572.937.328	52.279.676.379
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	7.945.808.660	16.129.060.626
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	15.245.572.673	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	431.721.819	-
	<u></u>	<u></u>
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>4.611.135.765</u>	<u>1.014.653.000</u>
	<u></u>	<u></u>
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	<u>8.968.790.000</u>	<u>4.760.000.000</u>
	<u></u>	<u></u>
Góp vốn trong năm		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	490.769.460.000	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>42.611.680.000</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

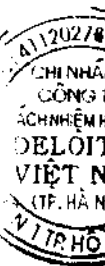
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lương	3.152.387.809	2.850.656.043
Thưởng	1.343.523.000	229.149.095
	4.495.910.809	3.079.805.138

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	300.789.998.071	320.504.916.979
Phải thu thương mại		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	57.571.391.637	80.262.679.985
Ban quản lý Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	-	103.092.422.402
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	199.658.077.561	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	149.585.835.134	32.467.821.307
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	175.641.953.645	25.195.265.683
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	2.662.719.068	12.280.481.631
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	14.862.948.753	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	62.994.000	-
Phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	17.625.828.285	41.353.108
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	4.940.233.333
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	89.270.418.815	66.187.771.334
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.722.380.192.226	1.490.325.040.968
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	153.606.553.128	167.028.850.708
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	177.484.466.466	56.685.157
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	118.180.087	-
Phải trả thương mại		
Ban quản lý Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	12.025.089.399	11.452.696.673
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	36.522.909.307	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	56.648.453.191	20.967.794.987
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	356.397.844.045	199.797.864.570
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	18.465.861.608	25.167.856.062
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	36.581.151.213	638.384.996
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	14.107.500.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	6.378.823.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	11.178.629.080	25.159.863.547



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Phải trả khác**

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	500.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.527.874.036	2.240.526.445
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	7.160.882.277	6.705.342.216
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	42.715.226.463	10.504.271.605
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	5.134.884.227	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.132.429.776	373.585.348
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	2.702.190.972	-

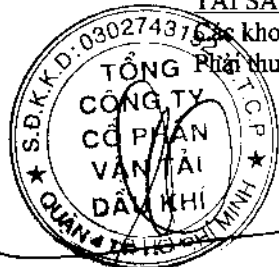
30. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã công bố tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng từ 18.932 đồng/đô la Mỹ lên 20.693 đồng/đô la Mỹ, tương ứng tăng 9,3%. Bên cạnh đó, giá xăng đã hai lần tăng từ 16.400 đồng lên 21.300 đồng từ ngày 24 tháng 2 năm 2011 đến ngày 29 tháng 3 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá và giá xăng này không gây ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình hoạt động của Tổng Công ty vì giá cước dịch vụ của Tổng Công ty được xác định bằng đô la Mỹ và Tổng Công ty cũng đang đàm phán tăng giá cước theo tỷ lệ tăng phí xăng dầu.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi tiết như sau:

Tài khoản ảnh hưởng	Mã số	Trước khi phân loại lại VNĐ	Sau khi phân loại lại VNĐ	Chênh lệch VNĐ
TÀI SẢN				
Các khoản phải thu khác	135	1.751.202.535.796	149.024.961.311	(1.602.177.574.485)
Phải thu dài hạn khác	218	-	1.602.177.574.485	1.602.177.574.485



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng